



Báo cáo

Đánh giá rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng Xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Tháng 11 năm 2018

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	
Error! Bookmark not defined.	
1. Vị trí địa lý.....	Error! Bookmark not defined.
2. Đặc điểm địa hình.....	Error! Bookmark not defined.
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu.....	Error! Bookmark not defined.
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu.....	Error! Bookmark not defined.
5. Phân bố dân cư, dân số.....	Error! Bookmark not defined.
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	Error! Bookmark not defined.
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	Error! Bookmark not defined.
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	
Error! Bookmark not defined.	
1. Lịch sử thiên tai.....	Error! Bookmark not defined.
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH.....	Error! Bookmark not defined.
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH.....	Error! Bookmark not defined.
4. Đối tượng dễ bị tổn thương.....	Error! Bookmark not defined.
5. Hạ tầng công cộng.....	Error! Bookmark not defined.
a) Điện	Error!
Bookmark not defined.	
b) Đường và cầu cống	Error!
Bookmark not defined.	
c) Trường	Error!
Bookmark not defined.	
d) Cơ sở Y tế	Error!
Bookmark not defined.	
e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	Error!
Bookmark not defined.	
f) Chợ	Error!
Bookmark not defined.	
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè).....	Error! Bookmark not defined.
7. Nhà ở.....	Error! Bookmark not defined.
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	Error! Bookmark not defined.
9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến.....	Error! Bookmark not defined.
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý.....	Error! Bookmark not defined.
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	Error! Bookmark not defined.
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	Error! Bookmark not defined.
13. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH.....	Error! Bookmark not defined.
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	Error! Bookmark not defined.

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	Error! Bookmark not defined.
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	18
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng	18
2. Hạ tầng công cộng	20
3. Công trình thủy lợi.....	22
4. Nhà ở.....	23
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	18
6. Y tế và quản lý dịch bệnh.....	26
7. Giáo dục	27
8. Rừng.....	28
9. Trồng trọt	28
10. Chăn nuôi	30
11. Thủy Sản	32
12. Du lịch.....	34
13. Buôn bán và dịch vụ khác	34
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	35
15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH.....	36
16. Giới trong PCTT và BĐKH.....	37
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	Error! Bookmark not defined.
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	38
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	38
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	39
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã.....	Error! Bookmark not defined.
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	Error! Bookmark not defined.
E. Phụ lục	42
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	42
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	Error! Bookmark not defined.
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá.....	59
Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	Error! Bookmark not defined.

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý:

Xã Nga Giáp nằm về phía Bắc của huyện Nga Sơn, có quốc lộ 10 chạy qua, cách trung tâm huyện lỵ 3,5 km. Ranh giới của xã được tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp xã Nga Điền huyện Nga Sơn; Phía Nam giáp xã Nga Yên, Nga Hải, huyện Nga Sơn; Phía Đông giáp xã Nga Thành, Nga An, huyện Nga Sơn; Phía Tây giáp xã Nga Trường, Nga Thiện, huyện Nga Sơn.

Nga Giáp có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi. Vị trí đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu phát triển kinh tế, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đặc biệt là trong nền kinh tế hàng hoá hiện nay.

2. Đặc điểm địa hình:

Là xã đồng bằng, có độ nghiêng không cao, nhưng do chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động kiến tạo, biến đổi địa chất từ nhiều năm nên địa hình Nga Giáp được hình thành trên nền biển cũ, do hoạt động địa chất nền đất cũ được nâng lên, đồng thời cùng với quá trình lắng đọng của trầm tích biển xa lắng của cát pha và quá trình bồi đắp phù sa sông biển hình thành nên dãy đất phù sa ven biển cũ.

Xã Nga Giáp nằm trong vùng khí hậu ven biển của tỉnh Thanh hoá và được chia làm bốn mùa rõ rệt. Nhiệt độ trung bình 1 tháng khoảng 17-18⁰ C, nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối không dưới 5⁰ C, nhiệt độ cao nhất tuyệt đối chưa quá 40⁰ C. Tổng lượng mưa trung bình hàng năm từ 1600 mm đến 1900 mm, nhưng phân bố không đều giữa các tháng trong năm. Mưa tập trung chủ yếu từ tháng 6 đến tháng 10 với 75% tổng lượng mưa, những tháng còn lại ít mưa, chỉ chiếm khoảng 25% tổng lượng mưa, đặc biệt là tháng 11, 12 lượng mưa rất thấp. Độ ẩm trung bình 84-85%, tháng 2, 3 có độ ẩm không khí cao nhất 95%, thích hợp cho các loại dịch bệnh phát triển

ở người, gia súc và các loại cây trồng. Tháng 5, 6 độ ẩm không khí thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phơi màu, thụ phấn cho cây trồng, nhất là lúa, ngô làm cho năng suất thấp, kém chất lượng.

Hàng năm ở xã chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió chính: gió mùa Đông bắc và gió Đông nam, tốc độ gió trung bình 1,8-2,2 m/s. Ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng rải rác vào các tháng 3- tháng 5. Bão thường xuất hiện từ tháng 7- tháng 10 kèm theo mưa lớn.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

ST T	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của tỉnh Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C			Tăng 2,1°C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C		Tháng 6 – 8	Tăng thêm khoảng 2,0-2,4°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C		11 – 12 và tháng 1 năm sau	Tăng thêm/Giảm khoảng 2,0-2,4°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm		Phân bố không đồng đều trong năm (bắt đầu từ tháng 7 kéo dài đến tháng 12, nhưng chủ yếu tập trung vào tháng 7 và tháng 8).	Tăng thêm khoảng 18,6 mm

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			x	
2	Xu hướng bão			x	
3	Xu hướng lũ			x	
4	Số ngày rét đậm		x		
5	Mực nước biển tại các trạm hải văn			x	Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			x	1,43% diện tích – 1,111,000ha
7	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sạt lún đất, động đất, sóng thần)				

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Hanh Gia	202	18	802	398	404	6	10
2	Ngoại 1	224	22	846	425	421	9	22
3	Ngoại 2	217	21	878	433	445	7	16

4	Nội 2	253	23	955	476	479	8	13
5	Nội 1	249	21	993	494	499	9	11
6	Lục Sơn	201	19	708	356	352	5	24
7	Lục Hải	209	21	759	378	381	6	25
Tổng số		1.555	145	5.881	2.960	2.921	50	111

Ghi chú: Trước đây là 11 thôn (từ thôn 1 đến thôn 11), hiện nay nhập lại còn 7 thôn có tên gọi như trên

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	691,65
1	Nhóm đất Nông nghiệp	399,57
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	353,6
1.1.1	Đất lúa nước	335,61
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	17,99
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	0
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	0
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	0,82
1.2.1	Đất rừng sản xuất	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	17,99
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	17,99
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	0
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	43,95
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	177,9
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	97,39
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp (Giao ruộng lại năm 2012 nhưng chưa cấp sổ)	0
	- Đất ở: (Được giao từ trước, chỉ điều chỉnh khi các hộ có nhu cầu thay đổi và các hộ được cấp mới)	15%

Ghi chú: Đất nông nghiệp đã giao ruộng lại năm 2012 nhưng chưa được cấp sổ, còn đất ở được giao quyền sử dụng từ trước thì chỉ có nam (chồng) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chỉ điều chỉnh cấp giấy

chứng nhận có tên cả vợ và chồng khi các hộ có nhu cầu thay đổi hoặc các hộ được cấp sổ mới.

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

T	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính (%)
I.	Nông nghiệp	31,0			
1	Trồng lúa và hoa màu	20,0	1224	3,3 tấn/hộ/năm	70%
2	Chăn nuôi	7,0	350	0,5/hộ/năm	70%
3	Nuôi trồng thủy sản	4,0	107	150 kg/hộ/năm	30%
II.	Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	24,7	207	25,7triệu /năm	45%
III	Thương mại – dịch vụ	44,3			
1	Buôn bán	34,3	224	48,5 triệu/năm	70%
2	Ngành nghề: thợ nề, dịch vụ ...	10,0	45	48,5 triệu/năm	30%

Ghi chú: : Ngành nông nghiệp có nhiều hộ tham gia sản xuất nhưng chiếm tỷ trọng thấp hơn nhiều so với Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và buôn bán.

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/n m xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng
10/2017	Lụt	7/7 thôn		3. Số ha ruộng lúa bị thiệt hại:	292,4 ha
				4. Hoa màu bị thiệt hại	15 ha
				5 Gia súc gia cầm bị thiệt hại	1000 con
				8. Ô nhiễm môi trường diện rộng	Toàn xã
				9. Ước tính thiệt hại kinh tế :	1,6 tỷ VNĐ
8/2007	Bão	7/7 thôn		1. Số nhà bị thiệt hại:	280 nhà
				2. Tường rào của các hộ dân	180 m
				4. Số ha ruộng lúa bị thiệt hại:	90 ha
				5. Cây cổ thụ bị đổ	35 cây
				6. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	5,31 ha
				9. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,5 tỷ VNĐ
5,6/2012	Hạn hán	7/7 thôn		1.Số ha ruộng mạ bị thiệt hại:	138 ha
				2. Hoa màu bị thiệt hại	151,5 ha
				3. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	15 ha

				4. Cây lưu niên bị thiệt hại	11 ha
				5. Ước tính thiệt hại kinh tế:	4,5 tỷ VNĐ
Tháng 1/2016	Rét hại	7/7 thôn		1. Lúa chết	138 ha
				2. Hoa màu hư hại	151,5 ha
				3. Gia cầm bị chết	2355 con
				5. Thủy sản bị thiệt hại	11 ha
				4. Ước tính thiệt hại kinh tế:	3,7 tỷ VNĐ

Ghi chú: Những năm gần đây thiên tai xảy ra ít hơn, nhưng cường độ mạnh hơn, kéo dài hơn, không theo quy luật

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Lụt	Thôn Nội 1 và Lục Sơn	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, lục Hải	Thấp	Tăng	Thấp
2	Bão	Thôn Nội 1 và Lục Sơn	Cao	Tăng	Cao
		Thôn Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, lục Hải	Trung bình	Tăng	Trung bình
3	Hạn hán	Thôn Nội 1 và Lục Sơn	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, lục Hải	Cao	Tăng	Cao
4	Rét đậm, rét hại	7/7 thôn	Trung bình	Tăng	Trung bình

Ghi chú: Địa bàn xã Nga Giáp được chia thành 2 vùng rõ rệt, vùng 1 ở cuối xã gồm 2 thôn (Nội 1 và Lục Sơn) có vùng nguy cơ cao của 3 loại hình thiên tai Bão, lụt, hạn hán, còn vùng 2 gồm 5 thôn (Hành Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2 và Lục Hải) chủ yếu là vùng nguy cơ cao của hạn hán, có nhiều khi vực an toàn để người dân vùng nguy cơ cao đến sơ tán khi có lệnh.

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT



4. Đối tượng dễ bị tổn thương

T	T	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương													
			Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai *	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo (hộ)		Người dân tộc
			Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	
1	Hanh Gia	35	72	101	197	9	60	105	16	29	1	3	4	6		
2	Ngoại 1	34	66	109	218	6	47	98	10	27	2	4	6	9		
3	Ngoại 2	45	89	120	245	5	59	113	5	28	1	3	7	7		
4	Nội 2	37	77	129	248	7	55	105	15	25	1	2	6	8		
5	Nội 1	39	81	94	196	6	74	123	11	25	4	9	7	9		
6	Lục Sơn	36	73	91	185	5	65	109	12	30	3	8	3	5		
7	Lục Hải	31	65	136	172	7	49	96	4	26	2	4	3	6		
	Tổng số	257	523	680	1.461	45	409	749	73	190	14	33	36	50		

Ghi chú: Người mắc bệnh hiểm nghèo ở các thôn những năm gần đây tăng cao hơn, nhất là căn bệnh ung thư, bệnh tâm thần, bệnh tai biến mạch máu não..., do đó những hộ gia đình có người mắc bệnh hiểm nghèo đều rất khó khăn, các tổ chức đoàn thể của xã cũng đã quan tâm giúp đỡ nhưng bệnh hiểm nghèo tiêu tốn tiền của nên các hộ gia đình đó không thể thoát nghèo được.

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Thôn	Năm xây dựng	Cột điện (số cột)	Giây điện (Km)	Trạm điện (trạm)	Hiện trạng	
						Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Hanh Gia	2011	77	3	1	X	
2	Ngoại 1	2011	75	3.5		X	
3	Ngoại 2	2011	70	4	1	X	

4	Nội 2	2011	83	4.5	1	x	
5	Nội 1	2011	87	4	1	x	
6	Lục Sơn	2011	79	5.3	1	x	
7	Lục Hải	2011	75	4.5		x	
	Tổng cộng		546	28,8	5	x	

Ghi chú: Hệ thống điện do điện lực quản lý nên đã được kiên cố, khi bị thiên tai hư hỏng được sửa chữa kịp thời, riêng đường điện sau công tơ do người dân tự làm nên một số tuyến chưa được kiên cố

b) Đường và cầu cống

TT	Thôn	Số lượng đường, cầu, cống	ĐVT (Km)	Hiện trạng		
				Nhựa	Bê Tông	Đất
I	Đường					
1	Quốc lộ đi qua xã	Đường quốc lộ	2.200	2.200		
2	Liên tỉnh đi qua xã	Đường tỉnh/huyện	1.660		1.660	
3	Hanh Gia	Đường xã:	300	300		
		Đường thôn	1.583		1.583	
		Đường nội đồng	1.500		1.500	
4	Ngoại 1	Đường xã:	350	350		
		Đường thôn	1.569		1.569	
		Đường nội đồng:	2.300		800	1500
5	Ngoại 2	Đường xã:	200	200		
		Đường thôn	1.553		1.553	
		Đường nội đồng	2.300	2.300	1800	500
6	Nội 2	Đường xã:	600	600		
		Đường thôn	2.900		2.900	
		Đường nội đồng	1.500		900	600
7	Nội 1	Đường xã:	700	700		
		Đường thôn	2.700		2.700	
		Đường nội đồng	1.300		1000	300
8	Lục Sơn	Đường xã:	1.200	1.200		
		Đường thôn	1.425		1.425	
		Đường nội đồng	1.687	1.687	500	1187
8	Lục Hải	Đường xã:	900	900		
		Đường thôn	1.376		1.376	
		Đường nội đồng	906			906
II	Cầu, Cống		ĐVT (cái)	Kiên cố	Yếu	Tạm

1	Hanh Gia	Cầu giao thông:	2	0	2	
		Cống:	5	5		
2	Ngoại 1	Cầu giao thông:	0	0		
		Cống:	4	4		
3	Ngoại 2	Cầu giao thông:	1	1	0	
		Cống :	5	3	2	
4	Nội 2	Cầu giao thông:	0	0		
		Cống :	6	5	1	
5	Nội 1	Cầu giao thông:	0	0		
		Cống :	8	7	1	
6	Lục Sơn	Cầu giao thông:	2	0	2	
		Cống :	6	6		
7	Lục Hải	Cầu giao thông:	2	0	2	
		Cống :	8	5	3	

Ghi chú: Tuyến đường ở thôn Nội 1 và thôn Lục sơn đã được kiên cố hóa nhưng 2 thôn ở cuối nguồn, đường còn nhỏ hẹp, thường xuyên bị ngập lụt, nhiều xe chạy qua tải nên bị xuống cấp nhanh dễ bị hư hỏng sạt lở “ổ Voi, ổ gà”

c) Trường

TT	Thôn	Số lượng trường	Đvt (Phòng)	Năm xây dựng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Ngoại 2	Tiểu học	11	1994	x		
		THCS	8	1999	x		
		Mầm non	9	2006	x		

Ghi chú: Các trường học đều nằm ở khu trung tâm là khu vực an toàn có thể đưa người dân vùng nguy cơ cao đến sơ tán, có những năm các xã xung quanh bị ngập lụt lớn, xã Nga Giáp đã tiếp nhận bà con các xã đến sơ tán.

d) Cơ sở Y tế

T T	Thôn	Số lượng Cơ sở Y tế	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán Kiên cố	Tạm
1	Ngoại 2	Trạm y tế xã	2014	4	5	X		
		Cơ sở bán thuốc tư nhân: 5						

Ghi chú: Trạm y tế có 1 bác sỹ đa khoa, 3 y sỹ, chỉ khám và điều trị các bệnh thông thường, vì Bệnh viện huyện chỉ cách xã 3 km nên người dân đến khám và điều trị tại bệnh viện huyện là chủ yếu.

e) Trụ Sở UBND và nhà văn hóa

TT	Thôn	Số lượng Trụ sở	Đơn vị tính (Cái)	Năm xây dựng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Hanh Gia	Nhà văn hóa thôn	1	2004		x	
2	Ngoại 1	Nhà văn hóa thôn	1	2005		x	

3	Ngoại 2	Nhà văn hóa thôn	1	2015	x		
4	Nội 2	Nhà văn hóa thôn	1	2004		x	
5	Nội 1	Nhà văn hóa thôn	1	2001		x	
6	Lục Sơn	Nhà văn hóa thôn	1	2010		x	
7	Lục Hải	Nhà văn hóa thôn	1	2014	x		
8	Ngoại 2	Nhà văn hóa xã	1	1990		x	
9	Ngoại 2	Công sở UBND xã	1	2015	x		

Ghi chú: Nhà văn hóa thôn Nội 1 và Ngoại 2 nằm trong nhà văn hóa làng, có khuôn viên rộng, thoáng mát nhưng xây dựng lâu năm không đảm bảo an toàn cho sinh hoạt cộng đồng khi có thiên tai.

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ xã	Hanh Gia	1975	cái			x

Ghi chú : Hiện nay chợ đang bắt đầu xây dựng nhà 2 tầng

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)

T T	Hạng mục	Đơn vị (Cái)	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố
1	Hanh Gia					
	Kênh mương	Km	2002	1,1	0	0,7 km
	Cống thủy lợi		1996	5	0	
2	Ngoại 1					
	Kênh mương	Km	2002-2015	0,9	0	0,5
	Cống thủy lợi	Cái	1996	4	0	
3	Ngoại 2					
	Kênh mương	Km	2002-2015	1,3	0	0,4
	Cống thủy lợi	Cái	1996	3	0	2
4	Nội 2					
	Kênh mương	Km	2002-2015	1,5	0	0,5
	Cống thủy lợi	Cái	1996	5	0	1
	Trạm bơm	Trạm	1982	1		

5	Nội 1					
	Kênh mương	Km	2002-2015	1,2	0	0,5
	Công thủy lợi	Cái	1996	7	0	
	Trạm bơm	Trạm	1982	1	0	
6	Lục Sơn					
	Kênh mương	Km	2002-2017	1,25	0	0,6
	Công thủy lợi	Cái	1996	6	0	
7	Lục Hải					
	Kênh mương		2002-2014	1,0	0	0,5
	Công thủy lợi	Cái	1996	5	0	3
Ghi chú: Hệ thống kênh mương 30% bằng đất nên thường xuyên bị bồi lấp, sạt lở không đảm bảo tưới tiêu cho lúa và hoa màu						

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Hanh Gia	202	121	78	18	0
2	Ngoại 1	224	118	91	15	0
3	Ngoại 2	217	131	74	9	0
4	Nội 2	253	83	145	25	0
5	Nội 1	249	147	101	74	0
6	Lục Sơn	201	118	81	63	0
7	Lục Hải	209	120	60	13	0
Tổng cộng		1.555	930	566	217	0
Ghi chú: Nhà đơn sơ và nhà thiếu kiên cố chủ yếu là của các hộ có hoàn cảnh khó khăn nên rất cần được hỗ trợ xây dựng nhà kiên cố						

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số nhà/Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/Khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước công cộng	Hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Hanh Gia	202	202	0	0	0	0	202	0	0
2	Ngoại 1	224	224	0	0	0	0	224	0	0
3	Ngoại 2	217	217	0	0	0	0	217	0	0
4	Nội 2	253	253	0	0	0	0	253	0	0
5	Nội 1	249	249	0	0	0	0	249	0	0

6	Lục Sơn	201	201	0	0	0	0	201	0	0
7	Lục Hải	209	209	0	0	0	0	209	0	0
Tổng		1.555	1.555	0	0	0	0	1.555	0	0

Ghi chú: Ở xã chưa có hệ thống nước máy, người dân dùng giếng khoan nhưng nguồn nước ngầm bị nhiễm phèn nên hiện nay vẫn còn thiếu nước sạch sinh hoạt

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Người cao tuổi	Người khuyết tật
1	Sốt rét (ca)	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết (ca)	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp(ca)	180	45	25	47	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (ca)	0	319	0	0	0

Ghi chú: Phụ nữ mắc bệnh phụ khoa nhiều nhưng không đến trạm y tế điều trị, chủ yếu là tự điều trị ở nhà

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý (Không có)

T	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
1	Rừng ngập mặn							
2	Rừng trên cát							
3	Rừng tự nhiên							
4	Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng							

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Thôn	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ (%)	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ thiệt hại
1	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu	Hanh Gia	30,17 ha	170	75	Buôn bán nhỏ	10%
		Ngoại 1	42 ha	172	75	Buôn bán nhỏ	10%
		Ngoại 2	39 ha	175	75	Sản xuất lúa và hoa màu	40%
		Nội 2	58 ha	212	75	Sản xuất lúa và hoa màu	40%
		Nội 1	37 ha	137	75	Sản xuất lúa và hoa màu	40%
		Lục Sơn	59 ha	178	75	Sản xuất lúa và hoa màu	40%
		Lục Hải	38 ha	171	75	Sản xuất lúa và hoa màu	40%
2	Chăn nuôi	Hanh Gia	GS: 199	134	65	Chăn nuôi gia cầm	20%

	<ul style="list-style-type: none"> - Gia cầm (GC) - Gia súc (GS) 		GC:918				
		Ngoại 1	GS:216	162	65	Chăn nuôi gia cầm	20%
			GC:1364				
		Ngoại 2	GS: 182	171	65	Chăn nuôi gia cầm	20%
			GC:1420				
		Nội 2	GS:188	188	65	Chăn nuôi gia cầm	20%
			GC:1360				
		Nội 1	GS: 309	174	65	Chăn nuôi gia súc,gia cầm	20%
			GC: 1.470				
		Lục Sơn	GS: 982	140	65	Chăn nuôi gia súc,gia cầm	20%
GC: 4,612							
Lục Hải	GS:476	112	65	Chăn nuôi gia súc,gia cầm	20%		
	GC:1800						
3	Nuôi trồng thủy sản	Hanh Gia	1,1 ha	25	45	Nuôi cá thịt và cá giống	20%
		Ngoại 1	1,2 ha	36	45	Nuôi cá thịt và cá giống	20%
		Ngoại 2	1,5 ha	37	45	Nuôi cá thịt và cá giống	20%
		Nội 2	2,6 ha	36	45	Nuôi cá thịt và cá giống	20%
		Nội 1	3,5 ha	39	45	Nuôi cá thịt và cá giống	20%
		Lục Sơn	5,6 ha	32	45	Nuôi cá giống và tôm	20%
		Lục Hải	2,2 ha	30	45	Nuôi cá giống và tôm	20%
4	Buôn bán và dịch vụ khác	Hanh Gia	Hộ	81	90	Buôn bán nhỏ tại chợ	10%
		Ngoại 1	Hộ	53	90	Buôn bán nhỏ tại chợ	10%
		Ngoại 2	Hộ	44	85	Buôn bán tạp hóa	15%
		Nội 2	Hộ	61	70	Buôn bán tạp hóa và dịch vụ sách	30%
		Nội 1	Hộ	45	70	Buôn bán tạp hóa và dịch vụ sách	30%
		Lục Sơn	Hộ	35	85	Buôn bán tạp hóa và dịch vụ sách	15%
		Lục Hải	Hộ	80	85	Buôn bán tạp hóa và dịch vụ sách	15%
Ghi chú: Nghề dịch vụ sách (bán các loại sách) phát triển, đưa lại lợi nhuận cao, có 65 hộ đã làm giàu bằng nghề này với 270 lao động tham gia.							

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	99	7 thôn
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	7 thôn
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Cụm loa	26	7 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủa, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	7 thôn
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm		0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	1555	7 thôn
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	750	7 thôn

13. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BDKH hàng năm	Thôn	7	Các thôn chủ yếu là lập phương án ứng phó với thiên tai
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3	Trường tiểu học, THCS và mầm non có phương án ứng phó
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	4	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	20	
	-Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	4	Thành viên BCH
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	0	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	64	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	15	Phục vụ người dân đi sơ tán
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	23	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	4	Tuyên truyền PCTT
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Loa	Chiếc	2	
	- Đèn pin	Chiếc	20	
	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	2	

	- Lều bạt	Chiếc	5	
	- Xe vận tải (hợp đồng trước)	Chiếc	12	
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng:			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Gói	100	
	- Mỹ tôm	Thùng	100	Hợp đồng với các ky ốt
	- Lương khô	Thùng	100	Hợp đồng với các ky ốt
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1 cơ số	
Ghi chú: Hàng năm xã đã lập kế hoạch PCTT, nhưng chưa tổ chức đánh giá, chưa có sự tham gia của người dân				

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác: (Không có)

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TỰBDKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn Hanh Gia (%)	Thôn Ngoại 1 (%)	Thôn Ngoại 2 (%)	Thôn Nội 2 (%)	Thôn Nội 1 (%)	Thôn Lục Sơn (%)	Thôn Lục Hải (%)	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	70	80	70	70	65	65	70	Trung bình
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng	30	35	40	36	40	32	31	Thấp
	- Điện sau công tơ	70	60	80	70	72	77	70	Trung Bình
	- Đường và cầu cống	80	89	80	80	80	80	80	Cao
	- Trường	87	90	79	82	81	85	80	Cao
	- Trạm	90	90	90	90	90	90	90	Cao
	- Trụ sở UBND, nhà văn hóa xã			90					Cao
	- Nhà Văn hóa Thôn	70	70	90	70	70	70	90	Trung bình
	- Chợ	30							Thấp
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	30	35	40	36	40	32	31	Thấp

4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	70	75	77	71	74	69	70	Trung Bình
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	75	75	85	75	70	75	75	Cao
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	71	72	75	74	78	77	71	Trung Bình
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý					50			Thấp
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	90	90	90	90	85	85	90	Cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	90	90	90	90	90	90	90	Cao
	Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)	Cao	Cao	Cao	Cao	Trung bình	Trung bình	Cao	

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã Nga Giáp

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Nội 1 + Lục Sơn)	450 (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong khu dân cư có 450 hộ (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ) nằm ở trong vùng thấp trũng thường xuyên bị ngập lụt. - Có 137 nhà thiếu kiên cố (Lục Sơn: 63, Nội 1: 74) lại ở vùng trũng thấp nguy cơ ngập lụt sâu. - Đường liên thôn thường xuyên bị ngập.. - Ở thôn có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ khi có thiên tai: <ul style="list-style-type: none"> + Người cao tuổi: 232 người (Lục Sơn: 109, Nội 1: 123). + Trẻ em dưới 5 tuổi: 154 (Lục Sơn : 73, Nội 1: 81). + Khuyết tật: 55 người (Lục Sơn: 30, Nội 1: 25). + Người bị bệnh hiểm nghèo: 17 người (Lục Sơn: 8, Nội 1: 9). + Hộ nghèo: 14 hộ (Lục Sơn: 5, Nội 1: 9) + Phụ nữ có thai : 11 (Lục Sơn: 6, Nội 1: 5). + Phụ nữ làm chủ hộ 40: (Lục Sơn 19, Nội 1: 21) + Phụ nữ đơn thân: 31 (Lục Sơn: 14, 	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 nhà văn hóa thôn kiên cố có khuôn viên rộng để sinh hoạt cộng đồng. - Có 265 nhà kiên cố (Lục Sơn: 118, Nội 1: 147) trong đó có 26% nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao và các nhà thiếu kiên cố. - 166 cột điện (Lục Sơn: 79, Nội 1: 87) và 02 trạm điện (Nội 1: 1; Lục Sơn: 1), 9,3 km dây điện kiên cố (Lục Sơn: 5,3km; Nội 1: 4Km). - Có 15% nhà dân có gác lửng để tránh lụt . <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống truyền thanh để dự báo cảnh báo khi có thiên tai/BĐKH. - Có tiểu ban phòng chống thiên tai và tổ xung kích của 2 thôn 30 người(6 nữ). - Đã tổ chức họp tuyên truyền cho người dân về 	- Nguy cơ người chết và bị thương khi có thiên tai/BĐKH.	Trung bình

		<p>Nội 1: 17).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi: 92%. - Đường dây điện sau công tơ xuống cấp 15%. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích thường xuyên thay đổi, thiếu trang thiết bị, chưa được tập huấn kỹ năng. - Một số cụm dân cư ở xa trung tâm tiếp cận với hệ thống truyền thanh còn hạn chế. - Công tác truyền truyền về PCTT/ BDKH chưa thường xuyên . - Sự phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT và BDKH chưa đồng bộ. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 65% người dân thiếu kiến thức về PCTT/BDKH . - Một số hộ dân ở vùng thấp trũng còn chủ quan, chưa chủ động phòng chống thiên tai. - Người dân lo làm ăn ít quan tâm đến PCTT.BDKH, đa số chưa hiểu biết về BDKH. 	<p>PCTT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gần đây các cuộc họp thôn đã có truyền truyền về PCTT còn BDKH chưa thực hiện do cán bộ thôn hiểu biết về BDKH chưa nhiều. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân sống trong vùng lụt nên cũng có kinh nghiệm trong PCTT, hiểu biết về phương châm 4 tại chỗ. - Sống gần vùng trũng thấp, bị lụt nên một số hộ dân làm nhà gác lửng và chuẩn bị lương thực thực phẩm dự trữ trước thiên tai. - Một số hộ nhà ở kiên cố có tinh thần hỗ trợ giúp những hộ vùng nguy cơ cao, hộ khó khăn, khi có bão, lũ lụt sẵn sàng tiếp nhận đến nhà mình để tránh trú khi nào hết bão lụt hỗ trợ đưa về nhà. 		
<p>Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)</p>	<p>1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)</p>	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 428 nhà kiên cố (Hanh Gia 78, Ng1 91, Ng2: 74, Nội 2: 125, Lục Hải 60) - 100 nhà thiếu kiên cố (Hanh gia 18, Ng1: 15, Ng 2:9, Nội 2: 45, Lục Hải: 13) - Ở 5 thôn có nhiều đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ khi có thiên tai: +Người cao tuổi: 517 (HG: 105; Ng1: 98, Ng2: 113, Nội 2: 105, Lục Hải: 96), +Trẻ em dưới 5 tuổi: 369 (nữ 182) (HG: 72, Ng1: 66, Ng2: 89, Nội 2: 77, Lục Hải: 65). + Người khuyết tật 139 (HG: 29, Ng1:27, Ng2: 28, Nội 2: 25, Lục Hải: 26) + Người bị bệnh hiểm nghèo: 15 (HG: 3, Ngoại 1: 4, Ng 2: 3, Nội 2: 2, Lục Hải 4) + Hộ nghèo: 36 (HG 6, Ngoại 1: 9, Ng 2: 7, Nội 2: 8, Lục Hải: 6). + Phụ nữ có thai 32 người (HG: 9, Ng1: 6, Ngoại 2: 5, Nội 2: 7, Lục Hải: 7), + Phụ nữ đơn thân: 75 (HG: 15, Ngoại 1: 18, Ngoại 2: 15, Nội 2:14, 	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 573 nhà kiên cố (Hanh Gia: 121, Ngoại 1: 118, Ngoại 2: 131, Nội 2: 83, Lục Hải: 120). Trong đó có 15% nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán cho các hộ dân vùng nguy cơ cao. - Có nhà văn hóa thôn có khuôn viên rộng để sinh hoạt cộng đồng (5 thôn/ 5 nhà văn hóa đã kiên cố). - 380 cột điện và 03 trạm điện, 19,5 km dây điện kiên cố đảm bảo đủ điện cho sinh hoạt của người dân. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống truyền thanh để dự báo cảnh báo khi có thiên tai/BDKH - Có tiểu ban phòng chống thiên tai và tổ xung kích của 5 thôn mỗi thôn 15 người tổng có 75 người trong đó có 13 nữ. - Đã tổ chức họp tuyên truyền cho người dân về PCTT. 	<p>- Nguy cơ người chết và bị thương khi có thiên tai/ BDKH.</p>	<p>Thấp</p>

			<p>Lục Hải: 13) + Phụ nữ làm chủ hộ 105 (HG: 18, Ng1: 22, Ng2: 21, Nội 2: 23, Lục Hải: 21) + Đường dây điện sau công tơ xuống cấp 15%. *Tổ chức- xã hội - Đội xung kích thường xuyên thay đổi, thiếu trang thiết bị, chưa được tập huấn kỹ năng. - Hệ thống truyền thanh xuống cấp chưa được khắc phục. (Hanh Gia, Ngoại 2, Ngoại 1) - Công tác truyền truyền về PCTT/ BDKH chưa thường xuyên. - Sự phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT còn hạn chế. *Nhận thức, Kinh nghiệm - 60% người dân thiếu kiến thức về PCTT/BDKH . - Người dân lo làm ăn ít quan tâm đến PCTT/BDKH, đa số chưa hiểu biết về BDKH</p>	<p>- Gần đây các cuộc họp thôn đã có truyền truyền về PCTT/BDKH nhưng cả cán bộ thôn hiểu biết về BDKH chưa nhiều. *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số hộ dân có kinh nghiệm trong PCTT, hiểu biết về phương châm 4 tại chỗ. - Các thôn đều ở vùng trung tâm nên các hộ có tinh thần hỗ trợ giúp các hộ ở vùng nguy cơ cao, hộ có hoàn cảnh khó khăn, khi có bão, lụt tiếp nhận đến nhà trú ẩn khi nào hết bão lụt hỗ trợ đưa về nhà. - 90% hộ dân đã dự trữ lương thực thực phẩm cho gia đình trước mùa thiên tai.</p>		
Hạn hán và Rét hại	Toàn xã	1555 hộ	<p>- Nhà cửa chưa đảm bảo cho chống rét. Một số hộ (nghèo, cận nghèo) còn thiếu trang bị chống rét và chống nóng cho cá nhân - 60% (450/749) tỷ lệ người già mắc các bệnh về cao huyết áp, tim mạch - 75% (392/523) trẻ em mắc bệnh cao về đường hô hấp và bệnh về tay chân miệng. - Thiếu nước sinh hoạt và nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp</p>	<p>- Trang bị chống rét cá nhân đã đảm bảo - Trạm y tế đã tiêm phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ em đạt 100% - 85,23% hộ dân có BHYT - Đã tuyên truyền về phòng chống rét cho người và vật nuôi trên hệ thống truyền thanh - Có kế hoạch cho trẻ em nghỉ học khi nhiệt độ xuống thấp dưới 10 độ C</p>	- Nguy cơ mắc bệnh của người già và trẻ em khi có rét hại và hạn hán.	Thấp
<p>Ghi chú: Cụm thôn 1 (Thôn Nội 1 và Lục Sơn) rủi ro dân cư và cộng đồng cao hơn cụm thôn 2 (Hanh Gia; Ngoại 1, Ngoại 2; Nội 2; Lục Hải) vì 2 thôn này có địa hình thấp trũng, gần dãy núi Tam Điệp có vùng nguy cơ cao của 3 loại thiên tai Bão, lụt, Hạn hán.</p>						

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Lục Sơn)	450 (Lục Sơn)	<p>*Vật chất - 15% đường điện sau công tơ xuống cấp hỏng mất an toàn</p>	<p>*Vật chất - Có 100% trụ điện được bê tông, kiên cố, 9,3 km dây điện</p>	- Đường giao thông	Cao,

	<p>Sơn và Nội 1)</p>	<p>201 hộ, Nội 1: 249 hộ)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 1,4 km đường giao thông chưa được kiên cố hóa thường bị ngập lụt sạt lở, hư hỏng (Lục Sơn:1,1Km, Nội 1: 0,3Km) - Một số đoạn đường nền thấp, bắt đầu mùa mưa gây ngập nước đi lại khó khăn. *Tổ chức- xã hội - Nguồn thu của thôn còn ít, chủ yếu do phân bổ của xã nên không có khả năng sửa chữa nâng cấp khi các công trình bị hư hỏng nên khi có thiên tai/BĐKH rất bị động - Việc đầu tư kinh phí, phân bổ chi tiêu làm đường giao thông hàng năm cho thôn còn ít. *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số hộ dân kinh tế khó khăn, làm nông nghiệp là chủ yếu thu nhập thấp nên việc đóng góp cho các công trình còn hạn chế. - Người dân chưa có ý thức trồng cây 2 bên đường. - Đường giao thông nội đồng chủ yếu là đường đất (90%) nên dễ bị sạt lở khi bão lụt xảy ra. 	<p>(Lục Sơn: 5,3Km, Nội 1 (4Km) kiên cố. đủ điện cho sinh hoạt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3 km giao thông nội đồng đã được kiên cố hóa (Lục Sơn:1.7 Km, Nội 1: 1,3 Km). - Có nhà văn hóa thôn: 02 (Lục Sơn:01 nhà, Nội1:01nhà) - Đã nâng cấp đường bê tông 4,1Km (Lục Sơn:1,4Km, Nội 1:2,7Km) do nhân dân tự đóng góp và hỗ trợ của Tỉnh và Huyện, xã. *Tổ chức- xã hội - Hàng năm chính quyền có bố trí nguồn kinh phí để tu bổ, nâng cấp một số công trình bị xuống cấp. - Một số tuyến đường liên thôn được huyện hỗ trợ 50% *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số người dân có ý thức tham gia xây dựng các công trình, đã tham gia đóng góp trên tinh thần " nhà nước và nhân dân cùng làm". Đóng góp 50% kinh phí để xây dựng các công trình để xây dựng nông thôn mới 	<p>sạt lở hư hỏng không an toàn đi lại khi có thiên tai /BĐKH</p>	
	<p>Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)</p>	<p>1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15% đường điện sau công tơ (Điện do dân quản lý) xuống cấp hỏng mất an toàn - 3,5 km đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố hóa (Ng1: 1,5km; Ng2: 0,5km; Nội 2: 0,6km, Lục Hải: 0,9km) *Tổ chức - xã hội - Việc đầu tư kinh phí, phân bổ chi tiêu hỗ trợ xi măng làm đường giao thông hàng năm cho thôn ít. - Các tổ chức hội chưa tích cực phối hợp tham gia phong trào trồng hoa thay thế cỏ dại 2 bên đường. - Nguồn thu của thôn còn ít, chủ yếu do phân bổ của xã nên không có khả năng sửa chữa nâng cấp khi các công trình bị hư hỏng nên khi có thiên tai/BĐKH rất bị động *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số hộ dân kinh tế khó khăn, làm nông nghiệp là chủ yếu thu 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 85% trụ điện được bê tông, kiên cố, 20.3 km dây điện kiên cố đủ điện cho sinh hoạt - 2.35 km đường liên xã đã đổ nhựa và bê tông hóa - 8,9 km đường liên thôn đã đổ nhựa, bê tông hóa - 5,7 km giao thông nội đồng đã được kiên cố hóa - 5 thôn có nhà văn hóa thôn đã kiên cố - Có 3 trường và trạm y tế kiên cố *Tổ chức -xã hội - Hàng năm chính quyền có bố trí nguồn kinh phí để tu bổ, nâng cấp một số công trình bị xuống cấp. - Hội PN phát động hội viên dọn vệ sinh môi trường vào ngày chủ nhật tuần cuối tháng, trồng hoa thay thế cỏ dại 2 bên đường. - Các tuyến đường liên thôn 	<p>- Đường giao thông nội đồng chưa kiên cố đi lại gặp khó khăn khi có thiên tai /BĐKH</p>	<p>Trung bình</p>

		<p>nhập thấp nên việc đóng góp cho các công trình còn hạn chế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tuyến đường trong thôn bị hư hỏng do xe ô tô chạy hàng ngày quá tải. - Người dân chưa có ý thức bảo vệ chăm sóc hoa và một số cây 2 bên đường. 	<p>được hỗ trợ xi măng, số còn lại người dân tự nguyện đóng góp.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ dân có ý thức tham gia đóng góp để xây dựng các công trình trên tinh thần " nhà nước và nhân dân cùng làm". (Đóng góp trên 50% kinh phí để xây dựng nông thôn mới) 	
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

Ghi chú: Do ảnh hưởng của nguồn nước từ hang Luồng (núi Tam Điệp) và nước các nơi đổ về kênh An Thái nên vùng đất sản xuất nông nghiệp thuộc thôn Nội 1 (sát với kênh An Thái) thường bị vỡ bờ kênh, nước tràn về ảnh hưởng đến đường giao thông (bờ kênh là đường đi) nguy cơ bị xói mòn, sạt lở hư hỏng các công trình của khu vực trang trại.

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Lục Sơn và Nội 1)	450 (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1,1 km kênh mương chưa được kiên cố hóa (Lục Sơn là:0,6Km, Nội 1 là:0,5Km) - 1,1 km mương tiêu chưa được nạo vét thường xuyên. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương xương cá do thôn quản lý chưa nạo vét thường xuyên, còn bị ách tắc bị ngập úng không đảm bảo nước tưới cho cây trồng. - Nguồn lực của xã còn hạn hẹp nên chưa bố trí hỗ trợ kinh phí để kiên cố hóa kênh mương. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân còn trông chờ vào hợp tác xã, chưa phối hợp để nạo vét kênh mương. - Ý thức tự giác chưa cao, chưa có tinh thần bảo vệ và tiết kiệm nguồn nước. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3,45 km kênh mương được kiên cố (Lục Sơn:1,25 Km, Nội 1: 1,2Km). - Có 13 cống thủy lợi được kiên cố (Lục Sơn:6, Nội 1:7) cống. - Có 01 trạm bơm Nội 1 kiên cố. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hợp tác xã quản lý kênh mương để nạo vét và điều tiết nước tưới tiêu khi đến vụ - Ban cán sự thôn đã truyền truyền vận động nhân dân đóng kinh phí để nạo vét kênh mương hàng năm . <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức đóng góp để nạo vét kênh mương - Một số hộ có trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương nội đồng. 	- Kênh mương bị sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu khi có thiên tai/ BDKH	Cao
	Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)	1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253;	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2,4 km kênh mương chưa được kiên cố hóa (HG: 0,7; Ng1: 0,5, Ng2: 0,4, Nội 2: 0,5, Lục Hải: 0,5) - 8 Cống thủy lợi chưa được kiên cố <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ kinh phí ít nên chưa đầu tư được nhiều vào hệ thống kênh 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 5,8 km kênh mương được kiên cố (HG:1,1; Ng1:0,9; Ng 2: 1,3; Nội 2: 1,5; Lục Hải 1 km) - Có 22 cống thủy lợi và 01 trạm bơm kiên cố <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hợp tác xã quản lý kênh mương để nạo vét và điều tiết 	- Kênh tiêu bị sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới tiêu khi có thiên tai/ BDKH	Trung bình

		LH: 209)	<p>mương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã quản lý kênh mương do trả kinh phí thấp nên chưa nạo vét thường xuyên, kênh mương ách tắc bị ngập úng ảnh hưởng đến cây trồng. - Tổ điều tiết nước của HTX có lúc, có thời điểm điều tiết chưa kịp thời. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân còn vứt rác, xác động vật và thải nước thải chăn nuôi trực tiếp ra kênh mương. 	<p>nước tưới tiêu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban cán sự thôn đã truyền truyền vận động nhân dân đóng kinh phí để nạo vét kênh mương hàng năm . <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức đóng góp để nạo vét kênh mương - Một số hộ chủ động nạo vét kênh mương, có trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương nội đồng. 		
--	--	-------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

Ghi chú: Hệ thống thủy lợi có 3 loại, loại 1: **mương tưới** do xã quản lý đã kiên cố trên 80%; loại 2 **mương tiêu** hàng năm đã được đầu tư nạo vét đảm bảo thoát nước; loại 3 hệ thống “**mương xương cá**” ở các thôn 100% là mương đất, thường xuyên bị bồi lấp ảnh hưởng đến tưới tiêu cho cây trồng

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Lục Sơn và Nội 1)	450 (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 137 nhà bán kiên cố lại ở vùng trũng thấp nguy cơ ngập lụt sâu (Lục Sơn: 63, Nội 1: 74) - Có 48 nhà thiếu kiên cố (Lục Sơn: 20, Nội 1: 28) do người dân làm nông nghiệp thu nhập thấp không có kinh phí xây dựng nhà kiên cố - Cần hỗ trợ 24 hộ khó khăn xây dựng nhà ở Kiên cố (có danh sách kèm theo) <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa tuyên truyền phổ biến rộng rãi cho người dân về xây dựng nhà chống bão lụt. - Đội xung kích thường xuyên thay đổi do đi làm ăn xa, thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chưa được tập huấn nên thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ neo đơn, hộ khó khăn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai. - Có 50% hộ dân thường làm nhà theo kiểu truyền thống, chưa có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống bão lụt. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 265 nhà kiên cố (Lục Sơn: 118, Nội 1: 147) trong đó có 26% nhà cao tầng có thể làm diêm đề sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao và các nhà thiếu kiên cố. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã đã về đích thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017 nên quan tâm đầu tư về nhà ở cho các hộ khó khăn (tiêu chí số 9). - Có phân công đội xung kích xuống giúp đỡ chằng chống nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân. - Một số tổ chức đoàn thể như hội CTĐ, hội phụ nữ đã vận động xây dựng nhà cho gia đình khó khăn như hộ nghèo, hộ cô neo đơn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân trong thôn có ý thức tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư khi có thiên tai xảy 	- Nhà ở có nguy cơ bị ngập, sập đổ, tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai / BDKH	Trung bình

			- Sống ở vùng trũng nhưng người dân chưa làm nhà có gác lửng để đưa đồ đạc lên cao khi có lụt.	ra. - Người dân đa số có ý thức tiết kiệm để xây nhà kiên cố.		
Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)	1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)	*Vật chất - 448 nhà bán kiên cố (Hanh Gia 78, Ng1: 91, Ng2: 74, Nội 2: 145, Lục Hải 60) - 80 nhà thiếu kiên cố (Hanh gia 18, Ng1: 15, Ng 2:9, Nội 2: 25, Lục Hải: 13) *Tổ chức- xã hội - Chưa tuyên truyền phổ biến rộng rãi cho người dân về xây dựng nhà chống bão lũ - Địa hình rộng và phức tạp, thiếu nhân lực để hỗ trợ bà con chăm sóc nhà cửa. - Đội xung kích thường xuyên thay đổi do đi làm ăn xa, thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chưa được tập huấn nên thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ neo đơn, khó khăn. *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số hộ dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH nên vẫn còn chủ quan, chưa chủ động chăm sóc nhà cửa trước mùa thiên tai.	*Vật chất - 573 nhà kiên cố (Hanh Gia: 121, Ngoại 1: 118, Ngoại 2: 131, Nội 2: 83, Lục Hải: 120) trong đó có một số nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ khi bị lụt bão. *Tổ chức -xã hội - Xã đã về đích thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017 nên quan tâm đầu tư về nhà ở cho: các hộ khó khăn. - Có phân công đội xung kích xuống giúp đỡ chăm sóc nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân. - Một số tổ chức đoàn thể như hội CTĐ, hội phụ nữ đã hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà cho gia đình neo đơn. *Nhận thức, kinh nghiệm - Người dân trong thôn có ý thức tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư khi có thiên tai xảy ra.	- Nhà ở có nguy cơ bị ngập, sập đổ, tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai / BĐKH	Trung bình	

Ghi chú: Nhà đơn sơ và nhà thiếu kiên cố chủ yếu là của các hộ có hoàn cảnh khó khăn nên rất cần được hỗ trợ xây dựng nhà kiên cố, theo nghị định 22/2013 của Chính phủ đối với người có công với cách mạng xã đã xây dựng được 38 nhà, dự án GCF đã khảo sát và hỗ trợ nên đang xây dựng được 3 nhà. Đề nghị dự án tiếp tục hỗ trợ cho các hộ có nhà thiếu kiên cố có hoàn cảnh khó khăn

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Lục Sơn và Nội 1)	450 (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	*Vật chất - Ở thôn chưa có hệ thống nước sạch, nguồn nước bị nhiễm phèn, nhiễm đá vôi nên một số hộ phải mua nước bình để uống rất tốn kém. - Các hộ chăn nuôi còn thả nước bẩn trực tiếp ra môi trường. - Thiếu thùng rác ở các nơi công cộng.	*Vật chất - Có 450 hộ dùng cả giếng đào, giếng khoan (Lục Sơn: 201, Nội 1: 249) - Nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại 450 hộ (Lục Sơn: 201, Nội 1: 249) - 2 nhà văn hóa thôn có thùng rác công cộng *Tổ chức- xã hội	- Thiếu nước sạch do nguồn nước bị nhiễm. - Ô nhiễm môi trường	Cao

		<ul style="list-style-type: none"> - Ngập lụt ngâm lâu ngày gây ra ô nhiễm môi trường. *Tổ chức- xã hội - Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường chưa được thường xuyên, chưa có sự phối hợp giữa các ban ngành. - Chưa có hình thức xử phạt chỉ dừng lại ở mức nhắc nhở về vệ sinh môi trường. - Chưa bố trí nguồn kinh phí để xây dựng bể nước sạch. *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số hộ ý thức về vệ sinh môi trường chưa cao còn vứt rác bừa bãi ra đường hoặc xuống mương, ao hồ. - Đa số người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống lòng kênh, mương sông ngòi. - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hầm biogas còn thải chất thải trực tiếp ra môi trường. - Một số hộ dân còn phun thuốc diệt cỏ ảnh hưởng đến người dân và môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động vệ sinh môi trường - Có đội ngũ thu gom rác thải của thôn thu gom mỗi tuần 01 lần - Ban lãnh đạo thôn đến tuyên truyền vận động từng hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường. - Đã tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh môi trường. *Nhận thức, kinh nghiệm - 70% số hộ chấp hành tốt việc thu gom rác thải. - Hiện nay một số hộ đã chuyển công trình chuồng trại ra sau nhà, cách nhà. - Một số hộ chăn nuôi đã làm hầm bioga. - Một số hộ đã tự giác khơi thông cống rãnh bảo vệ vệ sinh môi trường, trồng hoa dọc đường đi. 	<p>diện rộng khi có thiên tai/ BDKH</p>	
<p>Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)</p>	<p>1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở thôn chưa có hệ thống nước sạch, nguồn nước bị nhiễm phèn nên một số hộ phải mua nước bình để uống rất tốn kém - Các hộ chăn nuôi còn thải nước bẩn trực tiếp ra môi trường. *Tổ chức- xã hội - Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường còn hạn chế, chưa có sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể về công tác môi trường. - Chưa có hình thức xử phạt chỉ dừng lại ở mức nhắc nhở về vệ sinh môi trường. - Chưa bố trí nguồn kinh phí để xây dựng hệ thống nước sạch sinh hoạt cho người dân. *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số hộ ý thức về vệ sinh môi trường chưa cao, vứt rác bừa bãi ra đường hoặc xuống mương, ao hồ. - Một số người dân tự ý vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật xuống 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 100% hộ dùng cả giếng đào, giếng khoan,. - Nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại 1105 hộ. *Tổ chức- xã hội - Có đội ngũ thu gom rác thải của thôn thu gom mỗi tuần 1 lần - Ban công tác mặt trận thôn đến tuyên truyền vận động từng hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường. - Đã tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh của xã, của thôn về vệ sinh môi trường. *Nhận thức, kinh nghiệm - 100% hộ chấp hành tốt và nhất trí đóng góp kinh phí để cho đội thu gom ở thôn và công ty VSMT thu gom xử lý rác thải. - Hiện nay một số hộ đã chuyển công trình chuồng trại ra sau nhà cách 10 m 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước sạch do nguồn nước bị nhiễm phèn. - Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai/ BDKH 	<p>Trung bình</p>

		<p>lòng kênh, nương sông ngòi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hầm biogas còn thải chất thải trực tiếp ra môi trường. - Một số hộ dân còn phun thuốc diệt cỏ ảnh hưởng đến người dân và môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chăn nuôi đã làm hầm bioga. - Một số hộ đã tự giác khơi thông cống rãnh bảo vệ vệ sinh môi trường, trồng hoa dọc đường đi 		
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

Ghi chú: Toàn xã có 100% người dân dùng giếng khơi, giếng khoan và bể nước mưa, nhưng nguồn nước bị nhiễm phèn, nhiễm đá vôi; Tỷ lệ sử dụng máy lọc nước tại nhà và mua nước bình rất thấp (15%) nên ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, người mắc bệnh hiểm nghèo ngày càng tăng.

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Lục Sơn và Nội 1)	450 (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi bị ngập lụt lâu ngày, xác súc vật chết, rác thải sinh hoạt trôi nổi khắp nơi gây ô nhiễm môi trường, gây ra dịch bệnh, nên sau thiên tai thường xảy ra dịch bệnh như: Sốt xuất huyết, đường ruột, mắt đỏ, ngoài da. - Thiếu thuốc dự phòng và hóa chất xử lý nước trong thiên tai. - Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân. - Chưa có hệ thống xử lý rác thải về y tế <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. - Tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời. - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường. - Tổ chức phun thuốc khử trùng tiêu độc sau lụt bão chưa kịp thời. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu kiến thức về an toàn thực phẩm. - Chưa mua thuốc theo đơn của Bác sĩ, tự ý mua thuốc, tự điều trị. - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi bị đau ốm mới đi khám. - Đa số các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1 y tế thôn. - Một số hộ có tủ thuốc gia đình. - 85,3% hộ dân tham gia bảo hiểm y tế. - Có một số cơ sở thuốc dự phòng cho thiên tai. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân đã đến khám bệnh tại trạm y tế - Tiêm phòng vắc xin và cho trẻ uống vitamin A định kỳ. - Tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường sau thiên tai. - Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm được quan tâm hơn. - Phun thuốc khử trùng và thuốc diệt muỗi sau thiên tai <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường nơi công cộng sau thiên tai. - Một số người dân đi khám bệnh định kỳ theo sổ bảo hiểm y tế. - Mới đây một số người trẻ đã quan tâm hạn sử dụng của hàng hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai/ BDKH 	Trung bình
	Cụm thôn 2	1.105 hộ	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu trang thiết bị, máy móc 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm đạt chuẩn quốc gia, 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ Dịch 	Trung bình

(Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)	(HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)	<p>phục vụ khám chữa bệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân. *Tổ chức- xã hội - Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. - Truyền truyền về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời. - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường. - Tổ chức phun thuốc khử trùng tiêu độc sau lũ lụt chưa kịp thời. *Nhận thức, kinh nghiệm - 40% người dân thiếu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Đa số người dân chưa mua thuốc theo đơn của Bác sĩ, tự ý mua thuốc, tự điều trị bệnh ở nhà và chưa đi khám bệnh định kỳ, khi bị ốm đau mới đi khám. - Đa số các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình - Đội ngũ y tế thôn hoạt động còn hạn chế, trình độ không cao. 	<p>có 1 bác sỹ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi thôn có 1 y tế thôn . - Một số hộ có tủ thuốc gia đình. - 83% hộ dân tham gia bảo hiểm y tế. - Có một số cơ sở thuốc dự phòng cho thiên tai. *Tổ chức- xã hội - Trạm y tế tiêm phòng vacxin và cho trẻ uống vitamin A theo định kỳ. - Tổ chức ra quân vệ sinh môi trường sau thiên tai. - Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm được quan tâm hơn. - Phun thuốc khử trùng và thuốc diệt muỗi sau thiên tai *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số người dân có ý thức tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường nơi công cộng sau thiên tai. - Một số người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, đi khám bệnh kỳ theo sổ bảo hiểm y tế. 	bệnh ở người sau thiên tai/ BDKH	
----------------------------------------------	----------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------	--

Ghi chú: Hiện nay tại thôn Nội 1 chưa có hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt, do nhận thức của người dân còn hạn chế, chưa tự giác đóng phí thu gom rác thải, chủ yếu tự xử lý rác tại hộ gia đình. Trong các thôn một số người dân ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường còn hạn chế, còn vứt rác, vứt xác động vật chết xuống kênh mương, ao hồ, nhưng chưa có ai giám sát, xử phạt, chỉ nhắc nhở là chính.

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Lục Sơn và Nội 1)	450 (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chưa biết bơi 90%. - Các nhà trường còn thiếu phương tiện cứu hộ, cứu nạn, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu để ứng phó khi thiên tai xảy ra. *Tổ chức- xã hội - Chưa tổ chức tập huấn về kỹ năng phòng, chống thiên tai/ BDKH cho học sinh. - Chưa có bể bơi, chưa tập huấn kỹ năng bơi cho học sinh. *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số phụ huynh chưa có ý thức 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường học kiên cố, có thể làm nơi sơ tán. - Thầy cô đã quan tâm hỗ trợ học sinh khi có thiên tai/ BDKH *Tổ chức - xã hội - Trường học đã thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai. - Trường tiểu học, PTCS đã truyền truyền về PCTT/ BDKH cho học sinh ở các buổi sinh hoạt tập thể như 	Nguy cơ trẻ em bị đuối nước và nghỉ học dài ngày khi có thiên tai/ BDKH	Cao

			cho con em học bơi. - Học sinh thiếu kiến thức kỹ năng nhưng hiểu động hay đến những nơi nguy hiểm để chơi dễ xảy ra rủi ro.	chào cờ, sinh hoạt lớp *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số phụ huynh đã quan tâm đến việc dạy bơi cho trẻ em.		
Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)	1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)	*Vật chất - Trường học chưa có bể bơi. - Trẻ em chưa biết bơi 85% *Tổ chức- xã hội - Chưa tổ chức tập huấn về kỹ năng PCTT/BĐKH cho học sinh. - Nhà trường còn thiếu trang thiết bị PCTT như áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu. - Chưa có hồ bơi và dạy bơi trong trường học. *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số phụ huynh chưa có ý thức cho con em học bơi. - Học sinh thiếu kiến thức kỹ năng về PCTT, hiểu động hay đến những nơi nguy hiểm để chơi dễ xảy ra rủi ro	*Vật chất - Cả 3 trường học đã kiên cố. - Thầy cô đã quan tâm hỗ trợ học sinh khi có thiên tai/BĐKH *Tổ chức- xã hội - Trường học đã thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai. - Trường tiểu học đã truyền truyền về PCTT/BĐKH cho học sinh ở các buổi sinh hoạt tập thể như chào cờ, sinh hoạt lớp. *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số phụ huynh đã quan tâm đến việc dạy bơi cho trẻ em.	- Học sinh phải nghỉ học khi có ngập lụt.	Trung bình	

Ghi chú: Trên địa bàn xã có 3 trường học đều đạt chuẩn quốc gia, nhưng các trường chưa tổ chức tập huấn PCTT/BĐKH, chưa có hồ bơi, chưa dạy bơi cho học sinh.

8. Rừng (không có)

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Lục Sơn và Nội 1)	450 (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	*Vật chất - Vùng trũng thấp nên có 19 ha hoa màu thường xuyên bị ngập úng (Lục Sơn: 8ha Nội 1: 11ha) và 96 ha đất lúa thường bị ngập sâu dễ bị úng không cho thu hoạch (Lục Sơn: 37ha Nội 1: 59ha). - Năng suất cây trồng thấp, do BĐKH thời tiết thất thường, lúc mưa lúc nắng, có những đợt sau ngập lụt thì nắng nóng gay gắt cây trồng không phát triển được, bị dịch bệnh sâu hại trên cây trồng. - Hệ thống kênh mương nội đồng chưa đảm bảo nước tưới cho lúa và hoa màu (90% mương xương cá bằng đất) nên trồng trọt phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên.	*Vật chất - Có 96 ha diện tích đất trồng lúa với 315 hộ tham gia trồng đó tỷ lệ nữ chiếm 70%. - Một số kênh mương được bê tông hóa, đường nội đồng được kiên cố nên việc vận chuyển hàng nông sản của nhân dân được thuận lợi. - Đã tích tụ ruộng đất để quy hoạch cánh đồng lớn thuận tiện cho cơ giới hóa nông nghiệp. *Tổ chức- xã hội - Hợp tác xã cung ứng phân bón trả chậm cho nhân dân, quản lý các khâu dịch vụ nước tưới cây trồng tốt.	- Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai/ BĐKH	Cao

		<p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chưa có tính bền vững. - Thuốc bảo vệ thực vật, phân bón nổi trôi không được quản lý nên người dân mua nhầm thuốc giả, kém chất lượng. - Tập huấn chuyển giao KHKT chưa được nhiều, chủ yếu nữ tham gia (85%) - Hợp tác xã chưa bao tiêu được sản phẩm đầu ra. Chủ yếu người dân tự cung, tự cấp. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động - Một số hộ dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ - Một số hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng quy trình làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt nhưng chủ yếu nữ tham gia. - Khuyến cáo người dân chuyển đổi đất lúa không có năng suất sang mô hình lúa cá kết hợp. - Có hợp tác xã nông nghiệp hỗ trợ cho sản xuất và quản lý điều tiết nước tưới khi đến vụ <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đã biết chuyển đổi cây lúa kém năng suất sang trồng cây trồng thích hợp (Rau màu hàng hóa) - Sống với nghề nông nghiệp từ đời này sang đời khác nên đa số hộ dân có kinh nghiệm trong trồng trọt. - Một số hộ đã có bảo hộ lao động khi phun thuốc sâu. 		
<p>Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)</p>	<p>1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 20 ha đất lúa và hoa màu dễ bị ngập bị hồng không cho thu hoạch. - Năng suất cây trồng thấp, do BĐKH thời tiết thất thường, lúc mưa lúc nắng, có những đợt nắng nóng gay gắt sau đó lại mưa to làm cây trồng không phát triển được, bị dịch bệnh sâu hại trên cây trồng. - Hệ thống kênh mương nội đồng chưa đảm bảo tưới - tiêu cho lúa và hoa màu (90% mương xương cá bằng đất, 60% kênh tưới cấp 2 chưa kiên cố) nên trồng trọt phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn hạn chế chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chưa có tính bền vững. - Thuốc bảo vệ thực vật, phân bón trôi nổi trên thị trường thiếu sự quản lý của chính quyền nên người dân mua nhầm thuốc giả, kém chất lượng. - Tập huấn chuyển giao KHKT chưa được nhiều, chủ yếu nam tham gia (65%) - Hợp tác xã chưa bao tiêu được 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 207,17 ha diện tích đất trồng lúa và hoa màu (HG: 30,17; Ng1: 42; Ng2: 39; Nội 2: 58, Lục Hải: 38) với 900 hộ tham gia (HG: 170; Ng 1: 172; Ng 2: 175, Nội 2: 212, Lục Hải: 171) trong đó tỷ lệ nữ chiếm 75%. - 40% kênh mương được bê tông hóa, đường nội đồng được kiên cố nên việc vận chuyển hàng nông sản của nhân dân được thuận lợi. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã đã cung ứng phân bón trả chậm cho nhân dân, quản lý các khâu dịch vụ nước tưới cây trồng cơ bản đảm bảo. - Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt nhưng chủ yếu nam tham gia. - Khuyến cáo người dân chuyển đổi đất lúa không có năng suất cao sang cây màu hàng hóa. - Có thành lập hợp tác xã nông nghiệp để hỗ trợ cho sản xuất và quản lý điều tiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai/ BĐKH 	<p>Thấp</p>

			<p>sản phẩm đầu ra. Chủ yếu người dân tự cung, tự cấp.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động. - Một số hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng quy trình làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. 	<p>nước tưới khi đến vụ.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đã biết chuyên đổi cây lúa kém năng suất sang trồng cây màu có giá trị kinh tế cao hơn. - Sống với nghề nông nghiệp nên đa số hộ dân có kinh nghiệm trong trồng trọt. 		
Hạn hán và rét hại	Toàn xã	1555 hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Có 39 ha hoa màu vùng cao thường bị thiếu nước không cho thu hoạch. - Năng suất cây trồng thấp, do BĐKH thời tiết thất thường, lúc mưa lúc nắng, có những đợt nắng nóng gay gắt 40- 42 độ C cây trồng không phát triển được, bị dịch bệnh sâu hại trên cây trồng. - Giống lúa trôi nổi, chịu rét kém. - Hệ thống kênh mương nội đồng chưa đảm bảo nước tưới cho lúa và hoa màu (90% mương xương cá bằng đất) nên trồng trọt phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. - Thuốc bảo vệ thực vật, phân bón nổi trôi không được quản lý nên người dân mua nhầm thuốc giả, kém chất lượng. - Hợp tác xã chưa bao tiêu được sản phẩm đầu ra. Chủ yếu người dân tự cung, tự cấp. - Một số hộ dân phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động - Một số hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng quy trình làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - 307,17 ha diện tích đất trồng lúa với 900 hộ tham gia, tỷ lệ nữ tham gia trồng trọt chiếm 70%. - Một số kênh mương được bê tông hóa, đường nội đồng được kiên cố nên việc vận chuyển hàng nông sản của nhân dân được thuận lợi. - Hợp tác xã cung ứng phân bón trả chậm cho nhân dân, quản lý các khâu dịch vụ nước tưới cây trồng tốt. - Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt nhưng chủ yếu nữ tham gia. - Có hợp tác xã nông nghiệp hỗ trợ cho sản xuất và quản lý điều tiết nước tưới khi đến vụ - Người dân trong xã gắn với nghề nông nghiệp từ đời này sang đời khác nên đa số hộ dân có kinh nghiệm trong trồng trọt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mạ chết, lúa và hoa màu giảm năng suất, thu nhập thấp khi có hạn hán, rét hại. 	Thấp

Ghi chú: Xã đã về đích nông thôn mới nên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp nhưng 2 thôn Lục Sơn và Nội 1 là vùng trũng, khi bị lũ lụt nước chảy mạnh gây xói lở hư hỏng giao thông nội đồng gây ách tắc dòng chảy, vì vậy tình trạng ngập úng thường xuyên xảy ra. Giao thông nội đồng và kênh mương thủy lợi chưa được kiên cố toàn diện nên không đảm bảo nước tưới, năng suất cây trồng thấp, nông dân thu nhập thấp, một số hộ cho thuê đất giá rẻ để đi làm ăn xa có thu nhập cao hơn như làm công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn huyện

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Lục Sơn)	450 (Lục Sơn:	*Vật chất - 80% hộ chăn nuôi có chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo	*Vật chất - 2 thôn có 1.291con gia súc, (Lục Sơn: 982con, Nội 1:309	Gia súc gia cầm bị chết và	Trung bình

	<p>Son và Nội 1)</p>	<p>201 hộ, Nội 1: 249 hộ)</p>	<p>vệ sinh môi trường. - 50 % hộ chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc. - Do BĐKH thời tiết diễn biến thất thường nên dịch bệnh lở mồm, long móng, trên gia súc có thời kỳ còn xảy ra. *Tổ chức - xã hội - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm thấp, chưa có biện pháp cụ thể. - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Năng lực CB thú y còn hạn chế - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Giá cả không ổn định nên người dân không yên tâm chăn nuôi hiện nay đang giảm tổng đàn. *Nhận thức, kinh nghiệm - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm phòng cho gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng gia súc. - 95% Phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiên thức, ít tham gia tập huấn chăn nuôi. - Vì chăn nuôi chủ yếu là tận dụng thức ăn có sẵn nên người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại. - Đa số hộ chăn nuôi thiếu kiên thức khoa học, chưa tham gia thực hiện thú y trọn gói.</p>	<p>con) và 6082 con gia cầm (Lục Sơn:4.612; Nội 1:1470 con) trong đó 20% hộ chăn nuôi gia súc có chuồng kiên cố. - Trong 2 thôn có 5 cộng tác viên thú y có thể tiêm phòng và điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm. *Tổ chức- xã hội - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ - Hội nông dân có tập huấn kỹ thuật trong chăn nuôi tuy nhiên còn rất ít lớp. - Truyền truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm, nhất là khi có dịch. - Tuyên truyền vận động hộ chăn nuôi vùng thấp trồng cây cao nên chuồng để phòng khi có lũ lụt. - Đã có 22 hộ đã làm hầm biogas để đảm bảo vệ sinh môi trường. *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số hộ biết tận dụng nguồn thức ăn sẵn có, và lao động nhàn rỗi trong gia đình để chăn nuôi tăng thu nhập cho gia đình. - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả.</p>	<p>bị dịch bệnh khi có thiên tai và BĐKH.</p>	
	<p>Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)</p>	<p>1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)</p>	<p>*Vật chất - 90% hộ chăn nuôi có chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. - 50 % hộ chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc. - Các thôn chưa có trang trại được xây dựng đảm bảo kỹ thuật chuồng trại - Do BĐKH thời tiết diễn biến thất thường nên dịch bệnh lở mồm, long móng, H5N1 trên gia súc có nguy cơ tăng cao. *Tổ chức- xã hội - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm thấp, chưa có biện pháp xử lý các hộ không</p>	<p>*Vật chất - Có 767 hộ tham gia chăn nuôi (HG: 134;Ng1:162; Ng2: 171; Nội 2: 188; Lục Hải 112) với 1.261 con gia súc (HG: 199; Ng 1: 216; Ng2: 182; Nội 2: 188; Lục Hải 476) và 6.860 con gia cầm (HG: 918; Ng 1: 1362; Ng2: 1.420; Nội 2: 1360; Lục Hải 1.800). - Một số hộ đã làm hầm biogas để đảm bảo vệ sinh môi trường. (5 thôn có 35 hộ làm hầm bioga) *Tổ chức- xã hội - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ</p>	<p>- Gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh khi có thiên tai/ BĐKH</p>	<p>Trung bình</p>

			<p>tham gia tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm, thực hiện Luật thú y chưa nghiêm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực CB thú y còn hạn chế - Đa số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Giá cả không ổn định nên người dân không yên tâm chăn nuôi hiện nay đang giảm đàn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm phòng cho đàn bò, lợn, gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng cho đàn chó. - 55% phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiến thức, ít tham gia tập huấn chăn nuôi. - Vì chăn nuôi chủ yếu là tận dụng thức ăn có sẵn nên người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội nông dân có tập huấn kỹ thuật trong chăn nuôi - Truyền truyền truyền qua hệ thống truyền thanh về vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm, nhất là khi có dịch. - Tuyên truyền vận động hộ chăn nuôi vùng thấp trồng cây cao nên chuồng để phòng khi có lũ lụt. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ biết tận dụng nguồn thức ăn sẵn có và lao động nhàn rỗi trong gia đình để chăn nuôi tăng thu nhập cho gia đình. - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. - Một số hộ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi. 		
Hạn hán và rét hại	Toàn xã	1555 hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ chăn nuôi có chuồng trại chưa kiên cố, chưa che chắn đảm bảo chống rét cho gia súc, gia cầm - Chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc, vệ sinh chuồng trại không thường xuyên. - Do BĐKH thời tiết diễn biến thất thường nắng nóng kéo dài, rét hại nhiệt độ thấp dưới 8 độ C nên dịch bệnh lở mông, long móng trên gia súc có nguy cơ tăng cao. - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn các thôn gia súc, gia cầm thấp. - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm phòng cho đàn bò, lợn, gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng cho đàn chó. 	<ul style="list-style-type: none"> - 622/1555 hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm. - Một số hộ đã làm hầm biogas để đảm bảo vệ sinh môi trường. (7 thôn có 52 hộ làm hầm bioga). - Một số hộ biết tận dụng nguồn thức ăn sẵn có và lao động nhàn rỗi trong gia đình để chăn nuôi tăng thu nhập cho gia đình. - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. - Một số hộ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi. 	Gia súc gia cầm bị chết và bị dịch bệnh khi có thiên tai và BĐKH.	Trung bình
<p>Ghi chú: Hộ chăn nuôi có chuồng trại không đảm bảo tỷ lệ 90%, thời tiết cực đoan hạn hán nắng nóng, rét hại kéo dài, nên dịch bệnh phát sinh, gia súc gia cầm tiêm phòng tỷ lệ chưa cao, chưa có đầu ra, giá cả bấp bênh nên hiện nay đã bị giảm đàn.</p>						

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và	Cụm	450	*Vật chất	*Vật chất	- Nuôi	Trung

ngập lụt	thôn 1 (Lục Sơn và Nội 1)	(Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi trồng thủy sản gần sông, thường bị ngập lụt có khi mất trắng, mất vốn. - Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ chủ yếu là hình thức nuôi bán thâm canh và quảng canh chưa có quy mô lớn, chưa áp dụng KHKT *Tổ chức – xã hội - Chưa quản lý tốt thuốc bảo vệ thực vật nên các hộ nuôi sử dụng thuốc chưa đúng liều lượng. - Giống trôi nổi, chưa qua kiểm dịch. - Chưa tạo đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, phụ thuộc vào thương lái - Nghề nuôi trồng thủy sản cần có vốn lớn nhưng các hộ khó khăn về vay vốn, vì chưa được bảo lãnh, không có tài sản để thế chấp. *Nhận thức, kinh nghiệm - Chủ yếu các hộ nuôi trồng thủy sản theo kinh nghiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. - Một số hộ dân thả giống tôm chưa đúng theo lịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 8.5 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là nuôi tôm, cá với 33 hộ tham gia nuôi. - Một số hộ đã đầu tư nâng cấp, gia cố bờ ao kiên cố nên đảm bảo nguồn nước cho nuôi trồng thủy sản. - Một số hộ đầu tư máy sục ô xi cho ao tôm. *Tổ chức – xã hội - Đã tập huấn nuôi trồng thủy sản. - Một số công ty hỗ trợ thức ăn, thuốc bảo vệ thực vật. - Khuyến cáo người dân thu hoạch trước mùa mưa lụt. *Nhận thức, kinh nghiệm - Có ý thức vệ sinh ao hồ trước khi thả giống. - Gia cố công trước khi thả giống. - Một số hộ đi học hỏi kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản ở một số địa phương để về áp dụng cho gia đình mình 	trồng thủy sản giảm năng suất, giảm sản lượng có khi mất trắng khi có thiên tai/ BDKH	bình
	Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)	1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)	*Vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi trồng thủy sản (chủ yếu nuôi cá giống 45%, cá thịt 55%) dễ bị mất sản lượng khi xảy ra ngập lụt. - Nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ chủ yếu là hình thức nuôi bán thâm canh và quảng canh chưa có quy mô lớn. *Tổ chức – xã hội - Chưa quản lý tốt thuốc bảo vệ thực vật nên các hộ nuôi sử dụng thuốc chưa đúng liều lượng. - Giống trôi nổi, chưa qua kiểm dịch. - Chưa tạo đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, phụ thuộc vào thương lái. *Nhận thức, kinh nghiệm - Chủ yếu các hộ nuôi trồng thủy sản theo kinh nghiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. - Đa số hộ dân thả con giống mua tự do chưa được kiểm dịch 	*Vật chất <ul style="list-style-type: none"> - Có 17,7 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là nuôi cá (HG: 1,1ha, Ng1: 1.2; Ng 2: 1,5, Nội 2: 2,6, Lục Hải: 2,2) với 164 hộ tham gia nuôi (Hg: 25, Ng1: 36, Ng 2: 37; Nội 2: 36, Lục Hải: 30). Nam 55, Nữ 45% - Một số hộ đã đầu tư nâng cấp, gia cố ao hồ kiên cố. *Tổ chức – xã hội: - Phối hợp với điện lực lắp đặt điện ba pha cho NTTS - Đã tập huấn nuôi trồng thủy sản. - Khuyến cáo người dân thu hoạch trước mùa mưa lũ. *Nhận thức, kinh nghiệm - Có ý thức vệ sinh ao hồ trước khi thả giống. - Gia cố công trước khi thả giống. 	- Nuôi trồng thủy sản giảm năng suất, giảm sản lượng có khi mất trắng khi có thiên tai/ BDKH	Trung bình

Ghi chú: Diện tích nuôi trồng thủy sản rất ít, chủ yếu nuôi quảng canh, tận dụng mặt nước ao hồ trên địa bàn là chính, chưa có đầu ra, giá cả bấp bênh, thu nhập thấp. Trong giai đoạn hiện nay do BDKH thời tiết cực đoan, mưa nắng thất

thường nên sản lượng càng thấp.

12. Du lịch: không

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Cụm thôn 1 (Lục Sơn và Nội 1)	450 (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buôn bán dịch vụ tại 2 thôn chủ yếu buôn bán nhỏ lẻ, lều quán tạm bợ: - Quán ăn uống, giải khát tận dụng nhà ở để dựng lều che chắn tạm bợ. - Quán tạp hóa và dụng cụ phục đều không kiên cố. - Hàng hóa bị ẩm mốc khi lụt kéo dài và gián đoạn việc buôn bán của người dân <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quan tâm hỗ trợ phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu người dân buôn bán tự phát, thiếu vốn đầu tư. - Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm soát. - Chưa kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn mua chịu bị nợ đọng có khi mất vốn. - Một số hộ dân có điều kiện nhưng chưa mạnh dạn đầu tư buôn bán lớn. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 18 hộ làm dịch vụ, buôn bán hàng tạp hóa, giải khát, dọc theo đường trục chính chủ yếu là phụ nữ tham gia buôn bán tỷ lệ 70% (Nội 1 có 10 hộ, Lục Sơn có 8 hộ) - Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn. - Có chế độ miễn giảm thuế khi có thiệt hại xảy ra. - Thông tin kịp thời để cất giữ hàng hóa khi có thiên tai/BDKH. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ buôn bán đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh và chủ động nâng cao năng lực để phát triển kinh tế như nghề làm sách đã làm giàu cho nhiều hộ 	- Lều quán sập đổ hư hỏng khi có thiên tai/ BDKH.	Thấp
	Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)	1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buôn bán dịch vụ tại thôn chủ yếu buôn bán nhỏ lẻ, lều quán tạm bợ: - 5% là quán ăn uống, giải khát tận dụng nhà ở để dựng lều che chắn tạm bợ. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quan tâm hỗ trợ phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu người dân buôn bán tự phát, thiếu vốn đầu tư. - Chất lượng hàng hóa chưa được kiểm soát. - Việc kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm chưa thường xuyên. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân còn mua chịu bị nợ đọng ảnh hưởng đến việc buôn bán kinh doanh. - Các hộ dân chưa mạnh dạn đầu tư 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 319 hộ làm dịch vụ, buôn bán tạp hóa, ăn uống giải khát, dọc theo đường trục chính chủ yếu là phụ nữ tham gia buôn bán tỷ lệ 70% - Có nghề dịch vụ sách phát triển đem lại lợi nhuận cao. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền và các đoàn thể tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn. - Thông tin kịp thời để cất giữ hàng hóa khi có thiên tai/BDKH. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có mối quan hệ với khách hàng tốt nên buôn bán phát triển thu nhập cao. (nghề làm 	- Lều quán sập đổ hư hỏng khi có thiên tai/ BDKH. - Mất nguồn vốn có khi phá sản khi có thiên tai/ BDKH	Thấp

		phát triển buôn bán và dịch vụ	bánh bún ở thôn Ngoại 1 có 4 hộ, Ngoại 2 có 1 hộ đầu tư máy làm bánh bún theo dây chuyền)		
<p>Ghi chú: Buôn bán dịch vụ chủ yếu là kinh doanh tạp hóa nhỏ lẻ và làm nghề bánh-bún nên thu nhập không cao, người dân thiếu vốn nên chưa mạnh dạn đầu tư buôn bán lớn.</p>					

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão; ngập lụt; Hạn hán; Rét hại	Cụm thôn 1 (Lục Sơn và Nội 1)	450 (Lục Sơn: 201 hộ, Nội 1: 249 hộ)	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2% người già không có ti vi và radio - Một số tuyến truyền thanh cụm loa bị hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo trong mùa mưa bão. - 55% hộ dân không tiếp cận được Internet - Chưa có cụm loa di động tại thôn. - Thiếu phương tiện cảnh báo sớm <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền về PCTT/ BDKH chưa thường xuyên. - Chưa lồng ghép nội dung PCTT/BDKH vào các buổi họp dân. - Chưa có các biển cảnh báo vùng nguy hiểm. - Cán bộ truyền thanh kiêm nhiệm nên đầu tư thời gian còn hạn hẹp. - Công tác phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT /BDKH cho nhân dân còn hạn chế. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân còn thờ ơ chưa quan tâm theo dõi thông tin của diễn biến thiên - Một số hộ dân thiếu kiến thức về PCTT/BDKH - Đa số là phụ nữ ít quan tâm đến thông tin về PCTT/BDKH - ít tham gia các cuộc họp. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 98% người dân sử dụng ti vi, 80% có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin. - 95% người dân tiếp cận thông tin qua hệ thống loa truyền thanh của xã - 45% tiếp cận được với Internet. - 80% người dân tiếp cận được với thông tin PCTT. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm có sửa chữa, khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh trên địa bàn thôn. - Đã truyền truyền qua hệ thống truyền thanh về PCTT/BDKH tuy nhiên chưa được nhiều, nhất là về BDKH - Có đội xung kích thôn, khi cần có cả đội xung kích xã hỗ trợ giúp đỡ người dân vùng trũng sơ tán, di dời kịp thời. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức chằng chống nhà cửa khi có bão, lụt xảy ra. - 75% người dân quan tâm đến thông tin PCTT/BDKH. - Đa số nam tham dự tập huấn và quan tâm đến thông tin PCTT/BDKH 	Hệ thống truyền thanh xuống cấp không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai/ BDKH	Trung bình

<p>Cụm thôn 2 (Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, Lục Hải)</p>	<p>1.105 hộ (HG: 202, Ng1: 224, Ng 2: 217, Nội2: 253; LH: 209)</p>	<p>*Vật chất - 1% người già không có ti vi và radio - 15% hộ dân không tiếp cận được Internet. - Hệ thống truyền thanh xuống cấp không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo. *Tổ chức – xã hội - Tuyên truyền về PCTT/ BDKH chưa thường xuyên. - Chưa lồng ghép nội dung PCTT/BĐKH vào các buổi họp dân - Cán bộ truyền thanh kiêm nhiệm nên đầu tư thời gian còn hạn hẹp, chưa thường xuyên mở đài truyền thanh. - Công tác phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT /BĐKH cho nhân dân còn hạn chế. *Nhận thức, kinh nghiệm - Một số người dân còn thờ ơ chưa quan tâm theo dõi thông tin của diễn biến thiên tai. - 60% hộ dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH - Đa số là phụ nữ ít quan tâm đến thông tin về PCTT/BĐKH.</p>	<p>*Vật chất - 99% người dân sử dụng ti vi, 85% có điện thoại để liên lạc và nghe thông tin. - 85% người dân tiếp cận thông tin qua hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn. - 85% tiếp cận được với Internet. - 85% người dân tiếp cận được với thông tin PCTT. *Tổ chức – xã hội - Hàng năm có sửa chữa , khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh trên địa bàn thôn. - Có đội xung kích thôn, khi cần có cả đội xung kích xã hỗ trợ giúp đỡ người dân sơ tán, di dời kịp thời. - Mỗi thôn có 1 cán bộ (trưởng thôn) làm công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh. *Nhận thức, kinh nghiệm - Đa số nam tham dự tập huấn và quan tâm đến thông tin PCTT/BĐKH - Trong các buổi họp thôn phụ nữ tham gia tích cực hơn.</p>	<p>Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có thiên tai/ BDKH</p>	<p>Trung Bình</p>
---------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------

Ghi chú : Những năm gần đây được tiếp nhận nhiều thông tin qua hệ thống thông tin đại chúng nên nhận thức về RRTT/BĐKH ngày càng cải thiện nhưng đa số người dân chưa được tập huấn, ít được tuyên truyền phổ biến về biến đổi khí hậu.

15. Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TU'BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>Bão; ngập lụt; Hạn hán; Rét hại</p>	<p>Toàn xã</p>	<p>1555</p>	<p>*Vật chất - Trang thiết bị phục vụ cho PCTT còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác chỉ đạo và cứu hộ cứu nạn: Phao cứu sinh, áo phao, đèn pin, ủng đi mưa, máy phát điện, máy cưa... - Thiếu lực lượng trẻ để điều động ứng phó thiên tai kịp thời. Đội xung kích thường xuyên biến động do đi làm ăn xa. *Tổ chức, xã hội - Ở thôn chưa xây dựng KH PCTT (thực hiện theo KH PCTT</p>	<p>*Vật chất - Có nhiều nhà ở kiên cố trong đó có một số nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán cho người dân. - Có 3 trường học và trạm y tế, công sở xã là nơi có thể sơ tán nhân dân khi có thiên tai xảy ra. *Tổ chức xã hội - Ban PCTT mỗi thôn 9 người, 5 thôn tổng cộng 63 người được củng cố kiện toàn hàng năm trong đó có ít nhất 01 nữ</p>	<p>Ban PCTT và đội xung kích có nguy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ</p>	<p>Thấp</p>

		<p>của xã nhưng chưa có sự tham gia của người dân).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả. - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, chưa được trang bị bảo hộ lao động để đi làm nhiệm vụ. - Nguồn kinh phí bố trí cho PCTT chưa có. - Chưa có quy chế hoạt động của ban PCTT - Chưa lồng ghép giới vào công tác PCTT <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân còn chủ quan trông chờ vào nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Có xây dựng phương án ứng phó cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ. - Đã có phương án sơ tán những đối tượng DBTT đến nơi an toàn. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 98% người dân biết dự trữ lương thực, thực phẩm khi mùa mưa bão đến trong vòng 15 ngày. - Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng. - Người dân biết được các điểm sơ tán di dời tại các nhà kiên cố vùng an toàn 		
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--

Ghi chú: Hàng năm chỉ xây dựng phương án ứng phó với thiên tai, chưa lập kế hoạch PCTT/TUỖĐKH có sự tham gia của người dân theo như đề án 1002 CP.

16. Giới trong PCTT và BĐKH

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUỖĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và ngập lụt	Toàn xã	1555 hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Có 15% Phụ nữ làm chủ hộ, 6,88% phụ nữ đơn thân nên khi có thiên tai phải tự chủ động chằng chống nhà cửa kê kích vật dụng và đưa gia súc gia cầm lên cao. - Có 90% phụ nữ không biết bơi nhà ở gần sông, khi nước dâng cao lụt lớn, địa hình chia cắt dễ gặp rủi ro cao. - Phụ nữ ít được tập huấn về PCTT/BĐKH và ít tham gia trong các hoạt động PCTT nên thiếu kỹ năng trong ứng phó. - Một số nam giới đi làm ăn xa thiếu lực lượng PCTT, phụ nữ phải lo lắng công việc nặng nhọc trong gia đình. - Cả nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH, nữ ít tham dự tập huấn hơn nam - Nữ giới là người cao tuổi nhiều - Nam không tham gia các buổi tư vấn chăm sóc sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số chị em phụ nữ chủ hộ tự khắc phục khó khăn, không ỷ lại sự hỗ trợ người khác. - Đa số nam giới tích cực tham gia công tác PCTT, đã hỗ trợ giúp đỡ gia đình neo đơn. - Địa bàn thấp trũng khi có lụt bị chia cắt nên trước thiên tai phụ nữ thường được phân công truyền truyền động viên các hộ vùng nguy cơ cao đi sơ tán đi sơ tán và chuẩn bị hậu cần - Nam giới chằng chống nhà cửa, tham gia cứu hộ cứu nạn - Trong gia đình nam giao quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn nhất là các hoạt động ứng phó với thiên tai được bàn bạc thống nhất. - Cả hai đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế cho gia đình. - Khi có thiên tai nam là người chỉ huy để ứng phó với thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ có nguy cơ bị đuối nước và bị tai nạn khi chằng chống nhà cửa, - Nam giới bị tai nạn lao động khi có thiên tai/ BĐKH. 	Trung bình

Ghi chú: Qua đợt đánh giá tại cộng đồng thì nhận thức của nam tốt hơn nữ giới vì nam giới thường là trụ cột gia đình, có sức khỏe, là người quyết định mọi việc vào tham gia các hoạt động XH, đồng thời cũng là người tham gia công tác PCTT nhiều hơn, kiến thức hiểu biết về kỹ năng PCTT nhiều hơn nữ giới.

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp.

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

TT	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - 61 ha diện tích lúa ở sả nội và sả lục nằm ở vùng trũng thường xuyên bị ngập lụt. - 33,5 diện tích lúa và hoa màu ở khu vực đồng Hiêng đất cao thường xuyên bị hạn hán không đảm bảo tưới 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương thoát nước kém. - Địa hình trũng, sát núi, sát kênh an thái, cầu hồ, sông quán thoát nước không kịp. - Không có hồ dự trữ nước, phụ thuộc vào sự điều tiết nước của xí nghiệp thủy nông huyện. - Chưa có cánh đồng mẫu lớn, chủ yếu là diện tích manh mún. - Chủ yếu tự cung tự cấp, sản phẩm chưa có đầu ra. - HTX chưa bao tiêu sản phẩm cho người dân. - hệ thống đường giao thông nội đồng chủ yếu là đường đất - Năng lực quản lý và tổ chức sản xuất còn hạn chế, chưa kiểm soát được thuốc BVTV , nguồn gốc của giống. - Chưa được tập huấn kỹ thuật thường xuyên , trình độ thâm canh, kỹ thuật còn hạn chế - Còn sử dụng thuốc BVTV và phân hóa học chưa đúng kỹ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hệ thống kênh mương để đảm bảo tưới tiêu cho diện tích lúa và hoa màu - Nâng cấp và mở rộng âu chứa nước tại trạm bơm số 1 và số 2. - Tích tụ ruộng đất, xây dựng cánh đồng mẫu lớn để phát triển sản xuất nâng cao năng suất chất lượng lúa và hoa màu. - Kiên cố hóa hệ thống thủy lợi - Bê tông hóa đường giao thông nội đồng - Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân - Tuyên truyền nâng cao năng lực cho người dân về sử dụng việc thuốc bảo vệ thực vật và giống đảm bảo chất lượng - Sử phạt nghiêm minh đối với các cơ sở cung ứng thuốc BVTV , giống, phân kém chất lượng - Liên kết 4 nhà tạo đầu ra cho sản phẩm - Hỗ trợ giống và phân bón khi bị thiệt hại sau thiên tai
2	Thiếu nước sạch	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ dân đang dùng nước giếng khoan, giếng khơi và nước mưa - Nước giếng khoan đang lấy nước ở bề mặt (7-8m) bị ô nhiễm nên người dân bị bệnh ung thư với tỉ lệ ngày càng cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có hệ thống nước sạch trên địa bàn. - Nguồn nước bị ô nhiễm , nhiễm phèn, đá vôi, do gần núi đá vôi và vùng đất bị xâm nhập mặn. - Các hộ chăn nuôi xả nước thải trực tiếp ra môi trường nên cũng ảnh hưởng đến nguồn nước. - Do làm nông nghiệp nên thu nhập của người dân còn thấp, chưa mua máy lọc nước để được sử dụng nguồn nước sạch. - Các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn, người nghèo không có kinh phí để mua bồn nước, xây bể nước mưa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường. - Hỗ trợ làm hầm Bioga cho các hộ chăn nuôi - Hỗ trợ xây dựng hệ thống nước sạch tại xã - Trước mắt hỗ trợ máy lọc và bồn nước cho các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân - Kiến nghị cấp trên kiểm tra nguồn nước cho toàn xã để xem xét về bệnh ung thư ngày càng gia tăng, người dân cho rằng do nguồn nước bị ô nhiễm
3	Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai xảy ra.	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường. - Người dân còn vứt xác súc vật bừa bãi ra ao hồ 	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi chủ yếu ở các hộ gia đình còn nhỏ lẻ, chuồng trại chưa kiên cố chưa đảm bảo vệ sinh, chưa có hầm bioga. - Thiếu thùng rác ở các nơi công cộng. - Truyền truyền về vệ sinh môi trường chưa thường xuyên - Chưa xử lý nghiêm đối với các 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền kiến thức về bảo vệ môi trường. - Hỗ trợ làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi. - Có chế tài xử phạt nghiêm đối với các trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường. - Đầu tư lắp đặt thùng rác ở các nơi

		sông ngòi.	trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường, chủ yếu là nhắc nhở. - Một số người dân ý thức bảo vệ môi trường còn hạn chế, còn xả thải ra môi trường, vứt rác bừa bãi xuống ao hồ, sông ngòi.	công cộng. - Vận động người dân chăn nuôi tại vùng quy hoạch để đảm bảo vệ sinh môi trường và giảm phát thải khí nhà kính
4	Nhà ở có nguy cơ bị ngập, sập đổ, bị tốc mái đổ sập, hư hỏng khi có thiên tai/BĐKH	- Có 547 nhà ở bán kiên cố, trong đó có 1/2 số hộ nằm ở vùng trũng - Có 148 nhà ở thiếu kiên cố trong đó có 30% hộ thuộc đối tượng dễ bị tổn thương trong toàn xã.	- Nhà ở cấp 4, làm lâu ngày xuống cấp, không có nguồn lực để nâng cấp. - Thiếu kinh phí đầu tư xây nhà ở kiên cố do người dân chủ yếu làm nông nghiệp, thu nhập thấp - Đội dung kích thước xuyên đi làm ăn xa thiếu nhân lực để chăm sóc nhà cửa cho các đối tượng dễ bị tổn thương. - Đội xung kích thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn khi đi làm nhiệm vụ và chưa được tập huấn thiếu kỹ năng ứng phó thiên tai/TU/BĐKH - Một số người dân còn chủ quan, chưa chú trọng đầu tư xây dựng nhà kiên cố, chưa chằng chống nhà cửa khi có thiên tai	- Hỗ trợ nâng cấp nhà ở kiên cố cho các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân - Đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, tạo nghề phụ cho người dân để tăng thu nhập, để có kinh phí làm được nhà kiên cố. - Trang bị phương tiện, thiết bị cho đội xung kích và tập huấn kỹ năng để ứng phó với thiên tai - Sơ tán, di dời người dân vùng nguy cơ cao và hộ dân sống trong các nhà thiếu kiên cố đến nơi an toàn khi có thiên tai xảy ra - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến (%)		
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài
Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	Nâng cấp và mở rộng hồ chứa nước tại trạm bơm số 1 và số 2	Toàn xã	1. Khảo sát đánh giá	x		100%		
			2. Vận động nguồn lực	x		100%		
			3. Tổ chức thực hiện mở rộng hồ chứa nước		x		50%	50%
	Đầu tư kiên cố hóa hệ thống kênh mương để đảm bảo tưới tiêu cho lúa và hoamàu	Toàn xã	1. Nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh	x			50%	50%
2. Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng kiên cố				x		30%	20%	50%
Nhà ở	Hỗ trợ xây dựng nhà kiên cố cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.	Toàn xã	1. Vận động nguồn lực	x		100%		
			2. Hỗ trợ xây dựng nhà thiếu kiên cố cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.		x		10%	50%
Nước	Xây dựng hệ thống nước	Toàn dân	1. Xây dựng hệ thống nước sạch tại xã		x	100%		

sạch, vệ sinh và môi trường	sạch, trước mắt hỗ trợ xây dựng bể nước mưa và máy lọc nước		2. Trước mắt hỗ trợ xây dựng bể lọc nước mưa và máy lọc nước cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo	x				100%
	Hỗ trợ làm hầm bioga, chế phẩm sinh học cho các hộ chăn nuôi và mua sắm thùng rác công cộng	Hộ nghèo và hộ chăn nuôi toàn xã	1. Vận động nguồn lực	x		30%	20%	50%
			2. Hỗ trợ hộ chăn nuôi làm hầm bioga/ chế phẩm sinh học	x		80%	20%	
			3. Mua sắm thùng rác để nơi công cộng	x				100%
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT và vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe, xử phạt nghiêm những trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường.	Toàn xã	1. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x	100%		
			2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x	50%	50%	
			3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích		x			100%
			4. Diễn tập PCTT	x		30%	20%	50%
			5. Lòng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ	x	x	50%	50%	
			6. Tập huấn PCTT cho người dân và học sinh các trường học	x		30%	20%	50%
			7. Xử phạt nghiêm những trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường.		x	1000%		
Lĩnh vực khác	Tích tụ ruộng đất xây dựng cánh đồng mẫu lớn để nâng cao năng suất lúa và hoa màu.	Toàn xã	1. Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn		x	100%		
			2. Tập huấn chuyển giao KHKT cho nghề trồng lúa	x		50%		50%
			3. Tuyên truyền vận động người dân thực hiện	x	x	100%		
	Nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ của HTX, tìm đầu ra cho sản phẩm lúa và hoa màu	Toàn xã	1. Nâng cao năng lực cho HTX	x		100%		
			2. Liên hệ với các siêu thị, nhà hàng để bao tiêu sản phẩm		x	100%		
			3. Thu mua thủy sản, nông sản tạo đầu ra cho người dân		x	100%		
	Vận động các hộ dân chăn nuôi tại vùng	Toàn xã, các hộ chăn nuôi	1. Quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung. (Đã quy hoạch)		x	100%		
			2. Vận động người dân chăn		x	50%	50%	

quy hoạch để đảm bảo vệ sinh môi trường, giảm tác hại của khí nhà kính.	nuôi tại vùng quy hoạch					
	3. Tập huấn kỹ thuật chăm sóc và chọn con giống		x	100%		
	4. Kiểm tra giám sát dịch bệnh	x		50%	50%	

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã (Ông Nguyễn Văn Trọng. Bí thư Đảng ủy):

Thông nhất với nhóm HTKT về đánh giá tình hình của xã, chỉ 8 ngày đã thu thập được đầy đủ thông tin, rất đúng với thực trạng của xã.

Số liệu trong báo cáo rất đầy đủ, chi tiết, đây là số liệu cơ bản dự báo tình hình để phục vụ cho lãnh đạo của địa phương chỉ đạo trong các hoạt động kinh tế - xã hội nói chung, phòng chống thiên tai nói riêng.

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã (Ông Nguyễn Hữu Thiện chủ tịch UBND):

Được đi dự hội thảo ở tỉnh nên rất hiểu mục đích yêu cầu, đã chỉ đạo cán bộ sắp xếp công việc tham dự tập huấn và đánh giá đầy đủ, tuy nhiên công việc tại địa phương những tháng cuối năm rất bận rộn, các giảng viên đã thông cảm phối hợp sắp xếp làm vào buổi tối đạt kết quả tốt.

Sau hội thảo đã thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật, nhóm cộng đồng theo đúng hướng dẫn, giao cho văn phòng chuẩn bị số liệu ban đầu, tuy nhiên có những nội dung chưa hiểu rõ nên đến tập huấn mới hoàn thành.

Báo cáo đánh giá theo mẫu của dự án mà nhóm hỗ trợ kỹ thuật hoàn thành, số liệu rất đầy đủ, tổng hợp được nhiều lĩnh vực, thuận lợi cho địa phương cập nhật/tra cứu sau này.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã Nga Giáp
(đã ký)**

Mai Văn Chính

D. Phụ lục**Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá**

TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Chức vụ	Số điện thoại
1	Mai Văn Chính		x	Phó Chủ tịch UBND xã	0911254128
2	Mai Văn Đức		x	Công chức ĐC - NN	0912315866
3	Trịnh Thị Tuyền	x		Chủ tịch Hội phụ nữ	0932385839
4	Phùng Thị Quyên	x		Công chức Văn phòng 2	0949353273
5	Vũ Văn Hiền		x	Công chức Văn hóa	0911928658
6	Phạm Trung Lập		x	Chủ tịch MTTQ	0923570668
7	Nguyễn Đình Khuê		x	Chủ tịch Hội Nông dân	0988970827
8	Đỗ Văn Thuận		x	Bí thư Đoàn thanh niên xã	0978070013
9	Mai Văn Thắng		x	Chủ tịch Hội cựu chiến binh	0979664099
10	Lã Văn Lực		x	Công chức Văn phòng 2	01252846234
	Tổng cộng	2 nữ	8 nam		

Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

KẾ HOẠCH THỰC ĐỊA ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI - LẬP KẾ HOẠCH PCTT

Xã Nga Giáp, Nga Sơn, Thanh Hóa. Từ ngày 12/11 đến 15/11 năm 2018

Ngày thứ nhất : 12/11/2018 Thu thập thông tin (công cụ thông tin sẵn có thực hiện trước và trong khi đánh giá)

Buổi sáng: Từ 7: 30 đến 11:00 tổ chức họp dân ở 2 cụm thôn

- Cụm thôn 1 gồm 2 thôn: **thôn Nội 1 và thôn Lục Sơn** Địa điểm họp tại nhà văn hóa **thôn Nội 1**
- Cụm thôn 2 gồm 5 thôn: **Hanh Gia, Ngoại 1, Ngoại 2, Nội 2, và Lục Hải** . Địa điểm họp tại hội trường UBND xã

***Thành phần mời:**

- **Cụm thôn 1: 30** người trong đó: **Thôn Nội 1 mời 15 người**, thôn Lục Sơn mời 15 người là đại diện các thành phần kinh tế, người sống lâu trong địa phương và đại diện nhóm dễ bị tổn thương (Thôn Nội 1 mời 1 người cao tuổi; 1 phụ nữ làm chủ hộ; và 1 người khuyết tật. Thôn Lục Sơn mời 1 phụ nữ đơn thân, 1 người cao tuổi, 1 người nghèo) Các thôn mời người dân phải đảm bảo có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.
- **Cụm thôn 2: 30** người: **mỗi thôn mời 6 người** là đại diện các thành phần kinh tế, người sống lâu trong địa phương và đại diện nhóm dễ bị tổn thương (**Thôn Hanh Gia** mời 1 người cao tuổi; **Thôn Ngoại 1** mời 1 người khuyết tật, **Thôn Ngoại 2** mời 1 phụ nữ làm chủ hộ; **Thôn Nội 2** mời 1 phụ nữ đơn thân, 1 người cao tuổi, **Thôn Lục Hải** mời 1 người Nghèo) Các thôn mời người dân phải đảm bảo có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.

***Công việc thực hiện:** (Sau phần giới thiệu chia nhóm thực hiện các công cụ và chia nhóm theo thôn để thu thập thông tin phần C của báo cáo)

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm chính		Kết quả mong đợi
		Cụm 1	Cụm 2	
1	Giới thiệu thành phần, mục đích yêu cầu và chương trình làm việc của nhóm đánh giá tại thôn	A. Chính	A. Hiểu	Người dân hiểu được mục đích yêu cầu và chương trình làm việc
2	Thu thập thông tin bổ sung cho công cụ lịch sử thiên tai, lịch theo mùa của xã.	A.Thắng và A. Lập	A. Hiểu và A. Trung	Công cụ lịch sử thiên tai, lịch theo mùa được bổ sung nhiều thông tin
4	Kiểm chứng vùng nguy cơ cao của các loại hình thiên tai và khu vực an toàn trên sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai của xã.	A. Thuận	A. Đức	Sơ họa bản đồ RRTT, bảng tổng hợp thông tin sơ họa bản đồ được bổ sung đầy đủ thông tin
5	Thu thập thông tin, bổ sung thông tin vào phần C của báo cáo đánh giá	Toàn nhóm	Toàn nhóm	Phần C báo cáo đánh giá của các thôn được bổ sung đầy đủ thông tin

Buổi chiều: Từ 14: 00 đến 17:00 Nhóm đánh giá làm việc tại hội trường UBND xã Nga Giáp để chuẩn bị nội dung cho họp dân lần 2

- Tổng hợp, rà soát lại thông tin phần C của các thôn
- Tổng hợp RRTT/RRBĐKH của từng thôn, của xã và chuẩn bị bảng xếp hạng RRTT/RRBĐKH (Công cụ 7) của xã.
- Kẻ bảng phân tích nguyên nhân, bảng xếp hạng giải pháp PCTT /TUBĐKH (Công cụ 8).
- Kẻ bảng phân tích kịch bản BĐKH để thảo luận với người dân
- Kẻ bảng phân tích Giới để thảo luận với người dân
- Dự thảo báo cáo đánh giá theo mẫu của dự án

Ngày thứ hai: 13/11/2018 Họp dân lần thứ 2 để xếp hạng, phân tích nguyên nhân, xác định giải pháp PCTT/TUBĐKH

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Buổi sáng: Từ 7:30 đến 11:00 - Họp dân lần thứ 2 để xếp hạng RRTT/RRBĐKH, phân tích nguyên nhân, xác định giải pháp PCTT/TUBĐKH và xếp hạng giải pháp. Địa điểm: Hội trường UBND xã Nga Giáp

Thành phần mời: Mời đại diện 35 người dân của 7 thôn mỗi thôn 5 người là những người đại diện ban mặt trận xã và các thành phần kinh tế, sống lâu trong địa phương; những người đã tham gia cung cấp thông tin ở lần họp thứ nhất. Có ít nhất 50% phụ nữ tham gia.

Công việc thực hiện:

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm chính	Kết quả mong đợi
1	Thảo luận kịch bản BĐKH và phân tích giới với người dân	C.Tuyển và A.Thuận	Bảng thảo luận kịch bản BĐKH và phân tích giới với người dân được hoàn thành
2	Thông qua bảng tổng hợp RRTT/RRBĐKH và xếp hạng RRTT/RRBĐKH (Công cụ 7)	A.Thắng và A. Lập	Bảng xếp hạng RRTT/RRBĐKH hoàn thành
3	Lựa chọn 5 - 7 RRTT/RRBĐKH ưu tiên để thảo luận phân tích nguyên nhân, Xác định giải pháp PCTT /TUBĐKH (Công cụ 8)	A.Chính và A.Luyến	Bảng phân tích nguyên nhân hoàn thành
4	Xếp hạng giải pháp PCTT/TUBĐKH	A. Hiếu và Anh Thanh	Bảng xếp hạng các giải pháp PCTT/TUBĐKH hoàn thành
5	Tiếp tục bổ sung thông tin vào dự thảo báo cáo đánh giá RRTT/RRBĐKH -DVCD theo mẫu của dự án	A. Đức và C. Quyên	Hình thành khung báo cáo đánh giá RRTT-DVCD nhập đủ thông tin phần A và B và sơ lược phần C

Buổi chiều: Từ 14:00 đến 17:00 - Nhóm đánh giá tập trung tại hội trường UBND xã để tổng hợp thông tin của thôn/ xã và chuẩn bị cho họp dân lần 3 kiểm chứng thông tin gồm các bảng sau:

- Tổng hợp thông tin vào các công cụ đánh giá và tổng hợp thông tin vào phần C của báo cáo cho các thôn
- Kê bảng xếp hạng RRTT/BĐKH (Công cụ 7) của xã để xếp hạng ở buổi kiểm chứng
- Bổ sung thông tin vào bảng phân tích nguyên nhân (Công cụ 8) của xã để kiểm chứng
- Kê bảng xếp hạng giải pháp PCTT của xã để xếp hạng ở buổi kiểm chứng
- Xác định các hoạt thực hiện giải pháp PCTT (công cụ 9) để kiểm chứng
- Tiếp tục bổ sung thông tin vào dự thảo báo cáo đánh giá RRTT/RRBĐKH -DVCD theo mẫu của dự án

Ngày thứ ba: 13 /11/2018 kiểm chứng thông tin

Buổi Sáng: Từ 7:30 đến 11:00 Họp kiểm chứng thông tin tại hội trường UBND xã Nga Giáp

Thành phần mời: 35 người dân của 5 thôn Mỗi thôn 5 người (Đại diện hộ dân vùng nguy cơ cao, các hộ ở các ngành nghề khác nhau và đại diện đối tượng DBTT (hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ đơn thân) Đảm bảo có 50% phụ nữ của các thôn

Lưu ý: Đại diện hộ dân là những người chưa tham gia các lần họp trước.

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm chính	Kết quả mong đợi
1	Kiểm chứng vùng nguy cơ cao của các loại hình thiên tai và khu vực an toàn trên sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai của xã.	A. Thuận và A. Chính	Sơ họa bản đồ RRTT, bảng tổng hợp thông tin sơ họa bản đồ được bổ sung đầy đủ thông tin
2	Kiểm chứng và xếp hạng các RRTT/RRBĐKH	A.Thắng và A. Lập	Bảng tổng hợp xếp hạng RRTT/RRBĐKH của xã được hoàn

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			thành
3	Kiểm chứng phân tích nguyên nhân RRTT/ RRBĐKH và bổ sung thông tin về phân tích nguyên nhân.	A.Chính và A.Luyên	Bảng tổng hợp phân tích nguyên nhân của xã được hoàn thành và bổ sung nhiều thông tin
4	Xếp hạng các giải pháp PCTT/TUBĐKH và Kiểm chứng các hoạt động thực hiện giải pháp ưu tiên để đưa vào kế hoạch	A. Hiếu và Anh Thanh	Bảng xếp hạng giải pháp PCTT/TUBĐKH của xã được hoàn thành và bảng tổng hợp hoạt động thực hiện giải pháp PCTT/TUBĐKH (công cụ 9) được hoàn thành
5	Chia nhóm theo cụm thôn bổ sung thông tin về phần C của báo cáo đánh giá	Toàn nhóm (Mỗi cụm thôn 2 người phụ trách)	Phần C của 2 thôn được bổ sung nhiều thông tin
6	Tiếp tục bổ sung thông tin vào dự thảo báo cáo đánh giá RRTT/RRBĐKH - DVCĐ	A. Đức và C. Quyên	Hoàn thành dự thảo phần C của báo cáo cho từng thôn

Buổi chiều: Nhóm HTKT tập trung tại hội trường UBND xã Nga Giáp

- Dựa vào kết quả họp thôn để rà soát, chỉnh sửa, bổ sung vào báo cáo đánh giá. Hoàn thiện báo cáo đánh giá và thông qua nhóm HTKT để toàn nhóm bổ sung hoàn chỉnh báo cáo. (gửi trước dự thảo báo cáo cho lãnh đạo)
- Chuẩn bị nội dung cho cuộc họp thông qua lãnh đạo: Đảng ủy, HĐND, UBND, và các ban ngành đoàn thể của xã

Ngày thứ tư: 15/11/2018 Họp với lãnh đạo và ban ngành đoàn thể của xã

Buổi sáng: Từ 7:30- 11:30 họp tại hội trường UBND xã Nga Giáp

Thành phần mời: Lãnh đạo UBND xã và đại diện các ban ngành đoàn thể của xã

Công việc thực hiện:

TT	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm chính	Kết quả mong đợi
1	Giới thiệu thành phần và mục đích yêu cầu	Anh Chính PCT UBND trưởng nhóm HTKT	Đại biểu hiểu được mục đích yêu cầu của buổi họp
2	Báo cáo kết quả lớp tập huấn và quy trình đánh giá tại các thôn	Giảng viên	Đại biểu biết được kết quả lớp tập huấn và quy trình đánh giá RRTT-DVCĐ để có được báo cáo đánh giá
3	Trình bày tóm tắt báo cáo đánh giá RRTT-DVCĐ theo mẫu của dự án GCF	Anh Chính PCT UBND trưởng nhóm HTKT	Đại biểu nắm được nội dung chính của báo cáo đánh giá
4	Lãnh đạo xã và các thành phần tham dự đóng góp ý kiến vào báo cáo đánh giá	Lãnh đạo và đại diện các ban ngành đoàn thể	Lãnh đạo và các đại biểu đóng góp nhiều ý kiến bổ sung cho báo cáo và thông qua báo cáo
5	Phát biểu kết luận của lãnh đạo xã	Đại diện lãnh đạo xã	Ý kiến kết luận được đưa vào báo cáo đánh giá

Buổi chiều: Nhóm đánh giá căn cứ góp ý của lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể để rà soát, chỉnh sửa, bổ sung vào báo cáo đánh giá. và bộ công cụ thực hiện đánh giá.

PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Công cụ 2: Lịch sử thiên tai xã Nga Giáp:

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại (ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TD,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
T8/2007	Bão	-Xuất hiện ban đêm, gió giật cấp 10, diện rộng. -Mạnh hơn, bất thường không theo quy luật.	Toàn xã	1. ATCD -280 nhà bị tốc mái, chiếm 20%. -Đồ tường rào 180m, -Đường dây điện bị đứt. - Mất điện. -Sản xuất lúa bị thiệt hại 294.4 ha lúa chưa kịp thu hoạch, -Cây hoa màu , cây ăn quả thiệt hại 26ha. - 17.7ha nuôi cá nước ngọt bị mất trắng. -Gia súc gia cầm bị bệnh. 3, Vệ sinh môi trường -Môi trường bị ngập úng , ô nhiễm (nước, không khí ...) * Tổng thiệt hại ước tính: 1,5 tỷ đồng.	1. Vật chất -Đời sống người dân khó khăn , thiếu kinh nghiệm, kinh phí xây dựng nhà kiên cố. -Tỷ lệ nhà cấp 4 chiếm 35%. -Do đường thấp, nằm ở vùng trũng, nền đường yếu., - 2, Tổ chức xã hội -Diện tích lúa chưa tới thời gian thu hoạch, còn chủ quan. -Chuồng trại ẩm thấp , ô nhiễm nguồn nước dẫn đến bệnh tật. 2. Nhận thức kinh nghiệm -Hệ thống giao thông nội đồng chưa kiên cố, bờ đường thấp. -Thiếu kinh phí mua máy bơm tát.	- Chính quyền đã thông báo PCTT tới các hộ dân trong toàn xã, đặc biệt là người già, phụ nữ, trẻ em , khi có lệnh phải tạm sơ tán đến các nhà cao tầng trú ẩn. -Huy động nhân dân đắp áp túc đường giao thông. -Thông báo tới tận nhân dân về phòng chống nhà cửa và chuẩn bị lương thực, thực phẩm, vật dụng cần thiết (mì tôm, thuốc ...vv). -Vận động nhân dân thu hoạch với phương châm xanh nhà hơn già đồng. -Tuyên truyền vận động toàn dân dọn vệ sinh , rác thải sau bão, khơi thông dòng chảy kênh mương
T12/2016	Rét hại	-Rét buốt, kèm theo sương muối -Nhiệt độ về đêm thấp từ 10-13 độ C. Thời gian kéo dài 1,5 tháng.	Toàn xã	-Người già và Trẻ em mắc bệnh hô hấp - Lúa, mạ chết 50% (138ha). - Cây hoa màu chậm phát triển. - Gia súc, gia cầm chết 15%. -Kèm theo dịch bệnh về gia súc gia cầm - Thủy sản cá chết 30%. Ước tính thiệt hại 3,7 tỷ đồng.	-Thiếu trang thiết bị (quạt sưởi, điều hòa nhiệt độ, áo ấm) -Chuồng trại sơ sài, không đảm bảo ấm cho mùa rét, -Thức ăn, chất lượng chưa đảm bảo. - Con giống chưa đủ nguyên chủng. - Chưa thường xuyên tiêm phòng đúng kỹ thuật. - Chưa và thiếu điều kiện che chắn kịp thời. - Dụng cụ che chắn còn sơ sài.	-Truyền truyền cho người dân hiểu để phòng chống . -Đã xây dựng chuồng trại và che chắn . -Hỗ trợ giống , thức ăn để tái đàn. -Đã được tập huấn kỹ thuật trong chăn nuôi và phòng ngừa dịch bệnh. -Chuẩn bị giống gieo mạ bổ xung. -Đã mua bạt che chắn. -Mua bạt phủ bờ và che chắn.

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

10/2017	Lụt	-Mưa to, ngập diện rộng, ngập cao 1m kéo dài 5-7 ngày	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa: Diện tích lúa bị thiệt hại : 292.4 ha thiệt hại 50%. - Hoa màu : 15 ha =50% - Gia cầm thiệt hại : 1000 con gà. -Thủy sản : ha 21 thiệt hại 75% - Ô nhiễm môi trường - Giếng khoan hư hỏng máy bơm, ảnh hưởng đến nguồn nước, - Ô nhiễm môi trường diện rộng, dịch bệnh đã xảy ra sau lụt (dịch tả, ngứa, ...vv) nhưng y tế đã về và giải quyết kịp thời. <p>*Tổng thiệt hại ước tính : 1,6 tỷ đồng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nước từ dãy núi đá vôi Tam điệp dồn xuống vùng trũng gây tràn và vỡ bờ sông An Thái. - Diện tích lúa vùng trũng thu hoạch và tháo nước không kịp. - Đã tuyên truyền nhưng người dân chưa kịp thời chấp hành. - Người dân chủ quan chưa đắp bờ cao dẫn đến thiệt hại về thủy sản. - Chăn nuôi chưa quy hoạch, xả thải bừa bãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kê cao các vật dụng trong gia đình. - Lắp máy bơm tát nước. - Tuyên truyền thông báo đến từng hộ dân về ảnh hưởng của mưa lũ. - Khuyến cáo nhân dân thu hoạch diện tích với phương châm “Xanh nhà hơn già đồng”. - Đã thuê máy bơm để bơm nước. - Nạo vét kênh mương thường xuyên để khơi thông dòng chảy
T6/2012	Hạn Hán	Nắng nóng kéo dài, không có mưa thời gian dài, nhiệt độ 39-42 độ c	Toàn xã	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa bị khô, bị chết 50% = 138 ha - Hoa màu bị chết 50% = 151ha. -Thủy sản 45% = 15ha - Gia súc gia cầm, bị dịch bệnh . - Thiếu nước sinh hoạt và nước tưới cho cây trồng và vệ sinh cho vật nuôi - Sức khỏe bị ảnh hưởng. <p>*Ước tính : 4,5 tỷ VNĐ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có sự điều tiết nước kịp thời do phải phụ thuộc vào điều tiết nước của huyện. - Chưa có hồ dự trữ nước - Thiếu kiến thức về chống hạn . - Thiếu các thiết bị cá nhân chống nóng ở các gia đình. - Thiếu hệ thống nước máy 	<ul style="list-style-type: none"> - HTX và các hộ dân đã chủ động dùng máy để bơm nước. - Tuyên truyền cho nhân dân tiết kiệm nước và vệ sinh môi trường

Công cụ 3: Lịch theo mùa xã Nga Giáp :

Thiên tai	Tháng (Dương lịch)												Xu hướng của thiên tai		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
Bão													Tăng dần các năm, khó dự báo, dự đoán, cường độ ngày càng mạnh		
Lụt													Tăng dần theo các năm, kéo dài hơn, ngập sâu hơn		
Hạn Hán													Nhiệt độ cao từ 40-42°C, nắng gay gắt, kéo dài hơn		
Rét đậm, rét hại													Nhiệt độ xuống thấp hơn, kéo dài hơn		
Hoạt động KT- XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Ảnh hưởng của thiên tai	Tại sao ? (đánh giá TTDBTT)	Kinh nghiệm PCTT (NLPCTT)
Trồng Lúa và hoa màu chiếm tham gia SX nam 30%, nữ 70%													<ul style="list-style-type: none"> - Bão, lụt làm giảm năng suất - Hạn hán mất trắng - Nhiễm mặn cây trồng không phát triển, giảm năng suất - Ảnh hưởng sức khỏe do dùng thuốc bảo vệ thực vật chủ yếu 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương không đảm bảo (hệ thống mương xương cá chưa đảm bảo sản xuất) - Quản lý phân bón, thuốc thực vật còn hạn chế (thuốc trôi nổi) - Kinh nghiệm SX còn hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ giống - Khuyến cáo người dân về chăm sóc phòng trừ sâu bệnh - Tập huấn bồi dưỡng cho người dân

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

															là nam		
Nuôi trồng thủy sản chiếm tham gia SX Nam 70%, nữ 30%															<ul style="list-style-type: none"> - Rét hại làm cho cá chết và dịch bệnh. - Bão, lụt, cá bị mất trắng, bị cuốn trôi. - Nguồn lợi thủy sản giảm - thu nhập giảm mạnh 	<ul style="list-style-type: none"> -Bờ ao chưa được kè kiên cố. -Giá cả bấp bênh. - Quy hoạch thiếu đồng bộ; - Do ô nhiễm nguồn nước. -Thức ăn cho cá chưa được đảm bảo. - Người dân chủ quan, thiếu kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến cáo người dân phòng chống. - Điều chỉnh quy hoạch - Đầu tư nâng cấp cầu cống, giao thông - Thu hoạch cá sớm hơn trước mùa thiên tai.
Chăn nuôi . tham gia SX nam 30%, nữ 70%															<ul style="list-style-type: none"> - Rét hại kéo dài, lũ lụt, giông bão làm cho gia súc, gia cầm kém phát triển, bị chết làm giảm thu nhập và kéo theo dịch bệnh xảy ra. - Khi gia súc, gia cầm chết thiếu thu nhập, nữ sẽ vất vả để chăm lo cho gia đình. - Nam sẽ phải đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chưa đảm bảo khi có bão, lụt không di chuyển được - Hệ thống nước thải kém, hầm bioga ít - Thị trường bất ổn định nên người dân không chăn nuôi để chuồng trống. - Thiếu kiến thức chăn nuôi (chăn nuôi tự phát). - Giá cả thị trường biến động, không ổn định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nữ có kinh nghiệm trong việc chăm sóc gia cầm. - Nâng cao hệ thống chuồng trại, hệ thống nước thải. - Tuyên truyền phổ biến tiêm phòng theo định kỳ - Hỗ trợ đầu ra.
Tiểu thủ công nghiệp chiếm 22% thu nhập: - tham gia SX Nam 70%, nữ 30%															<ul style="list-style-type: none"> - Làm giảm năng suất, chất lượng sản phẩm - Thiếu nguyên vật liệu sản xuất làm hư hỏng sản phẩm - Làm giảm giá trị, hàng hóa dẫn đến thu nhập của người dân thấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Do thu hoạch sớm nên chất lượng sản phẩm không đảm bảo chất lượng, sản phẩm không tiêu thụ được do bão, lụt. - Chưa có nhà kho để bảo quản nông sản - Đầu ra không ổn định, giá thành bấp bênh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng thời gian làm việc đảm bảo sản lượng để bù vào thời gian nghỉ bão lụt.
Dịch vụ thương mại chiếm thu nhập: chiếm 45% - Buôn bán nhỏ.															<ul style="list-style-type: none"> -Đường giao thông đi lại khó khăn. - không có thị trường lưu thông hàng hóa. - Làm giảm việc làm tại địa phương - Không tận dụng hết nguồn lao động tại địa phương. - Nữ thiếu vốn kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh hộ gia đình nhỏ lẻ - Vật tư, hàng hóa các mặt hàng phục vụ chưa đa dạng - Sức lao động bỏ ra nhiều mà không có thu nhập cao - Không có kinh phí để phát triển ngành nghề truyền thống theo hướng hiện đại hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ biết tích trữ dự phòng hàng hóa. - Nhà nước hỗ trợ vay vốn và thành lập các doanh nghiệp mới - Có sự chi đạo của cấp ủy chính quyền - Có cơ chế hỗ trợ ưu đãi của Nhà nước - Địa phương có nhiều chính sách mở để kêu gọi đầu tư.
Thu nhập khác: Làm thuê															<ul style="list-style-type: none"> - Chịu ảnh hưởng của Bão, Lụt dẫn đến thu nhập thấp - Rét đậm, rét hại ảnh hưởng 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có bảo hộ lao động, chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo nghề 	<ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng lao động dồi dào trẻ, khỏe - Tuyên truyền người lao động chủ

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

tham gia Nữ 30%, nam 70%											sức khỏe người lao động - Năng suất lao động thấp - Thu nhập không ổn định	- Các dịch vụ xã hội của xã thấp - Chưa có bảo hộ lao động - Đa phần các công việc đều không có bảo hiểm lao động	động trong lao động an toàn
--------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------

Phân tích giới xã Nga Giáp

Vai trò của nam giới hay phụ nữ trong việc sản xuất kinh doanh/đảm bảo thu nhập của gia đình	Các khó khăn về công việc sản xuất kinh doanh của phụ nữ và nam giới trong mùa thiên tai	Ảnh hưởng đối với thu nhập của gia đình khi thiên tai xảy ra (theo cách phân chia công việc hiện tại)	Các thay đổi (nếu cần) về công việc để giảm thiểu thiệt hại về thu nhập gia đình	Nhu cầu hỗ trợ từ các tổ chức trong thôn, xã để ít bị ảnh hưởng hoặc có thể khôi phục nhanh sau thiên tai.
Trồng lúa Lúa và hoa màu tham gia SX nam 30% nữ 70%. Nam, và nữ đều bàn bạc quyết định chi tiêu lớn Nữ, nam được quyết định bán sản phẩm và nữ giữ tiền	- Ảnh hưởng sức khỏe, bị bệnh nhiều do dùng thuốc bảo vệ thực vật nữ 70%, nam 30%. - Nữ bị ảnh hưởng về thần kinh và xương khớp	- Khi Bão, lụt, hạn hán làm giảm năng suất, mất mùa không đủ lương thực cho gia đình, nam, nữ phải đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập nam 70%, nữ 30%	- Hỗ trợ giống mới ngăn ngừa có năng suất cao Hỗ trợ vốn SX - Khuyến cáo cho nam, nữ về cách chăm sóc phòng trừ sâu bệnh - Tập huấn kiến thức về trồng trọt cho nam, nữ	- HTX nông nghiệp nâng cao năng lực để quản lý vật tư nông nghiệp, bao tiêu sản phẩm, tìm đầu ra để tăng thu nhập cho các hộ gia đình. - Sau thiên tai hỗ trợ giống cây trồng kịp thời HTX bán chịu phân bón, thuốc BVTV (bán trả chậm)
Nuôi trồng thủy sản tham gia SX Nam 70%, nữ 30%. nam, nữ cùng quyết định sản phẩm	- Nguy cơ xảy ra tai nạn đối với nam giới là co do có thiên tai nam phải xuống ao bắt cá. Thiệt hại kinh tế làm cho phụ nữ ảnh hưởng tinh thần như lo lắng ...vv ảnh hưởng sức khỏe nam.	Nam nữ phải đi làm ăn xa để trả nợ, có kinh phí trang trải cho gia đình. Nam nữ phải đi làm thuê kiếm sống.	Tạo chế độ chính sách ưu đãi vay vốn lãi suất thấp để cải tạo lại ao, tái sản xuất. Tuyên truyền phổ biến tập huấn cho nam nữ trước và sau thiên tai xảy ra phải sơ tán tránh rủi ro	- Định hướng điều chỉnh quy hoạch nuôi trồng thủy sản - Đầu tư nâng cấp cầu cống, nạo vét mương - Tạo đầu ra ổn định cho nuôi trồng thủy sản - Hỗ trợ giống chất lượng
Chăn nuôi tham gia nam 55%, nữ 45%	-Ảnh hưởng đến sức khỏe của nam, nữ do ô nhiễm môi trường vì chuồng trại chưa đảm, hệ thống nước thải kém, thải chất thải trực tiếp ra môi trường, hầm bioga ít -Không có bảo hộ lao động cho nam, nữ, ảnh hưởng sức khỏe nam, nữ	- Thu nhập giảm, nữ đi làm thuê theo thời vụ, làm thuê ở các công ty may ...vv - giá cả thị trường bấp bênh, không ổn định, dịch bệnh ảnh hưởng kinh tế lên các hộ chăn nuôi gia cầm và chuyển sang ngành nghề khác	- Nâng cao hệ thống chuồng trại, hệ thống nước thải - Tuyên truyền phổ biến tiêm phòng theo định kỳ - Hỗ trợ đầu ra - hỗ trợ thuốc khử trùng, hệ thống tiêu nước thải, con giống phù hợp đối với các hộ chăn nuôi	- Trung tâm khuyến nông huyện, hướng dẫn và khuyến cáo người dân cách phòng chống dịch bệnh theo mùa trong chăn nuôi. - Tạo đầu ra cho chăn nuôi Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi cho chị em phụ nữ

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Dịch vụ buôn bán Nữ 70%, nam 30%	Chủ yếu kinh doanh hộ gia đình nhỏ lẻ, phải có vốn nhưng do người dân thu nhập không ổn định, mua chịu nợ đọng nên có khi mất vốn, ảnh hưởng đến kinh tế, tinh thần cho cae nam và nữ	Khi thiên hư hỏng lều quán, mất hàng hóa, giảm thu nhập của phụ nữ	Phải đi làm ăn xa, làm việc khác, đi làm thuê để tạo ra tienfg đảm bảo duy trì sinh hoạt cho gia đình	- Nhà nước hỗ trợ vay vốn - Địa phương có nhiều chính sách ưu đãi cho phụ nữ
-------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------

Công cụ 6 : Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai xã Nga Giáp

Thiên tai	Xu hướng của thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
Bão Lụt	Xảy ra nhanh Khó dự đoán Không theo quy luật Cường độ càng ngày càng lớn.	1. An toàn cộng đồng * Vật chất: - 237 hộ ở thôn nguy cơ cao chủ yếu là nhà cấp 4. - 1.701 nhân khẩu sống trong vùng nguy cơ cao (Khu Nội và khu Lụt) - 2 km đường sơ tán còn là đường đất. - 1,5km đường bê tông đã xuống cấp - 30% đường điện sau công tơ của các hộ dân không đảm bảo. - Trường Tiểu học xuống cấp. - Chưa có trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn , các dụng cụ PCTT trong gia đình , trong khu dân cư còn thiếu. - Khu dân cư phân bố rải rác không tập trung. - 5% hộ gia đình không có phương tiện xe máy - 1% hộ chưa có tivi. - 95% các hộ gia đình không có máy phát điện. - 90% hộ gia đình không có thiết bị cứu nạn. - 90% người dân không biết bơi - Ban phòng chống thiên tai còn thiếu có trang thiết bị cứu hộ cứu nạn - Trẻ em dưới 5 tuổi: 421 - Người cao tuổi: 749 - Phụ nữ mang thai: 43 - Người khuyết tật: 194 - Người mắc bệnh hiểm nghèo: 32 * Tổ chức xã hội. - Tiểu ban phòng chống thiên tai ở các thôn thường xuyên thay đổi, thiếu trang thiết bị, kỹ năng phòng chống thiên tai còn thiếu. - Một số cụm dân cư tiếp cận với hệ thống truyền thanh còn hạn chế.	1. An toàn cộng đồng * Vật chất: - 65% nhà ở kiên cố và đảm bảo khi có thiên tai xảy ra. - 3 trường THCS, tiểu học, mầm non đảm bảo kiên cố. - Trụ sở UBND xã kiên cố đảm bảo để nhân dân đến sơ tán tránh trú bão. - Đường giao thông liên xã được nhựa hóa và bê tông hóa 100% - Đường liên thôn 100% đã bê tông hóa 100% hộ gia đình sử dụng điện lưới - Phương tiện: - Xe máy: 95 % hộ gia đình. - 99% các hộ gia đình có ti vi, điện thoại - 15% số dân cư biết bơi. - Đa số người dân có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm. - 5% hộ gia đình có máy phát điện - 10% các hộ gia đình có thiết bị cứu hộ, cứu nạn. - Đa số người dân có ý thức dự trữ lương thực - Loa truyền thanh 7/7 thôn đảm bảo. * Tổ chức xã hội: - Các thành viên chỉ huy PCTT đã được tập huấn , có kế hoạch và nhiệm vụ phân công cụ thể cho các thành viên trong ban PCTT và các đoàn thể phụ trách các đơn vị thôn.	1. An toàn cộng đồng - Nhà ở có nguy cơ tốc mái sập đổ khi có thiên tai. - Tính mạng người dân sống trong vùng nguy cơ cao đe dọa khi có thiên tai - Người dân thiếu thông tin, không kịp thời khi có thiên tai xảy ra. - 2 km đường sơ tán cứu nạn , cứu hộ không đảm bảo cho việc di dời của người dân khi có thiên tai - Đội ngũ cứu nạn thiếu phương tiện thiết bị , trang thiết bị phục vụ cho việc ứng phó khi có thiên tai.

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác truyền truyền về PCTT/ BDKH còn hạn chế. - Sự phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT và BDKH chưa đồng bộ. - Các tổ chức đoàn thể tại các thôn phối hợp chưa chặt chẽ trong công tác PCTT <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn thiếu ý thức và chủ quan trong phòng chống thiên tai - Người dân ít được tập huấn tham gia diễn tập phòng chống thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp trong công tác PCTT. - Hàng năm kế hoạch PCTT được xây dựng và phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên. - Ban PCTT có 20 người (trong đó 15 nam, 5 nữ) <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau khi có hoạn nạn - 90% hộ dân có ý thức chấp hành lệnh khi sơ tán. - 100% người dân tự nguyện đóng góp vật tư , vật liệu phòng chống thiên tai khi có thiên tai xảy ra. 	
	<p>2.Sản xuất, kinh doanh</p> <p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương xương cá xuống cấp gây ách tắc dòng chảy. Hệ thống tiêu nước vùng trũng còn hạn chế. -Thiếu kinh phí đầu tư. - Do chuồng trại đơn sơ, thiếu vốn đầu tư - Nguyên nhân hệ thống nước thải chưa đảm bảo - Khi có thiên tai, nguồn cung ứng vật tư còn gặp nhiều khó khăn, hàng hóa tiêu thụ hàng chậm. - Do vùng đất trũng , nền đất pha cát dễ bị sạt lở. - Thiếu máy bơm nước. -Hệ thống đường giao thông nội đồng chưa kiên cố đảm bảo. - Hệ thống cầu công đơn sơ xuống cấp không đáp ứng được tưới tiêu - Diện tích trồng lúa 96 ha ở vùng trũng, chiếm 35% tổng diện tích lúa trong toàn xã. - Hệ thống tưới tiêu sản xuất chưa được bê tông hóa đồng bộ. - Đường nội đồng 70% chưa được bê tông hóa. - Chưa có trạm bơm tiêu nước. - Hệ thống tưới tiêu phần lớn phụ thuộc vào xí nghiệp thủy nông huyện. - Chất lượng giống còn kém do người dân còn mua hàng trôi nổi ngoài thị trường. -Thức ăn chưa chủ động, còn phụ thuộc và không được kiểm soát được chất lượng. - Bờ ao chưa được kiên cố, con giống, thức ăn, sản phẩm đầu ra không có thị trường ổn định, <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HTX chưa bao tiêu được sản phẩm cho nông dân. 	<p>2. Sản xuất, kinh doanh</p> <p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống Bioga thường xuyên làm vệ sinh chuồng trại. - Xây dựng nhà xưởng theo đúng tiêu chuẩn khép kín - Xử lý hệ thống nước thải , có hệ thống đúng tiêu chuẩn - Đầu tư vốn để xây dựng nhà xưởng kiên cố - Công cụ phục vụ sản xuất còn gồm 02 máy gặt máy cày bừa 15 cái. - Về chăn nuôi có vùng quy hoạch có mô hình trang trại. - Về nuôi trồng thủy sản diện tích 17,7ha - Hệ thống kênh mương đã có quy hoạch. - Tập thể cung ứng vật tư về sản xuất , chăn nuôi hộ gia đình. - Đã có hệ thống cầu cống tưới tiêu phục vụ sản xuất. -Tận dụng nguồn nhân lực sẵn có ở địa phương <p>* Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - HTX đã xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư cho người dân - Hàng vụ HTX đã tổ chức tập huấn cho xã viên kỹ thuật trồng lúa và hoa màu, phun phòng trừ sâu bệnh. - HTX xây dựng kế hoạch cây bừa, BVTV , thủy lợi nội đồng - Ngân hàng PTNT, quỹ tín dụng nhân dân có đủ nguồn vốn phục vụ sản xuất. 	<p>2. Sản xuất, kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa và hoa màu bị mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai/BDKH - Gia súc gia cầm bị dịch bệnh, bị chết khi có thiên tai /BDKH - Nuôi trồng thủy sản có nguy cơ sạt lở đầm, mất sản lượng khi có thiên tai - Kênh mương bị sạt lở, bồi lấp không đảm bảo tưới-tiêu. - Hệ thống giao thông nội đồng sạt lở hư hỏng

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa kiểm soát được nguồn gốc và chất lượng thuốc BVTV. - Hệ thống máy cày bừa còn ít, chưa được quản lý tập trung. - Nạo vét mương chưa thường xuyên -Vốn ưu đãi đầu tư mua máy móc phục vụ sản xuất còn hạn chế - Kinh phí tập huấn kỹ thuật cho các ngành nghề sản xuất kinh doanh còn hạn chế. -Tiếp cận cơ chế chính sách còn hạn chế. -Nguồn cung ứng con giống chưa đảm bảo. *Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ: - Người dân chủ quan không che chắn cho mạ đủ ẩm Thiếu cập nhật kiến thức chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản Người dân còn chủ quan chưa phòng chống dịch bệnh Vệ sinh chuồng trại ao hồ còn kém - Phân bón không cân đối, còn sử dụng phân vô cơ quá nhiều dẫn đến cây yếu dễ bị dập nát. Sử dụng thuốc BVTV chưa đúng quy trình. - Người dân còn thiếu kiến thức về BĐKH - Nhận thức chuyển đổi giống cây trồng và vật nuôi để thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm đã tổ chức tiêm phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm theo mùa vụ. *Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ: - lựa chọn cây và con giống phù hợp Đẩy sớm thời vụ (chiêm, mùa) tránh bão, lụt đầu mùa. Có giống lúa dự phòng - Xây dựng chuồng trại theo mô hình chăn nuôi ấm về mùa đông, mát về mùa hè. Học hỏi kinh nghiệm , chọn giống vật nuôi, giống con nuôi rõ nguồn gốc, địa chỉ -Thường xuyên nghe dự báo thời tiết tăng cường lượng phân hữu cơ, cân đối đạm lân, kali để tạo cho cây trồng khỏe , tăng thu nhập chú ý tuyển chọn cây giống Sử dụng thuốc BVTV theo đúng quy trình -Thường xuyên theo dõi dịch vệnh để phòng trừ -Kinh nghiệm trồng lúa truyền thống, được tập huấn chuyển giao KHKT. 	
	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nguồn nước sạch, nguồn nước sinh hoạt hàng ngày bị nhiễm phèn. -Cơ sở trạm còn thiếu trang thiết bị y tế dự phòng , phòng khám đông y chưa phát huy được hết chức năng. -Nguồn nước sinh hoạt nhiễm tạp chất ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân, do chưa có hệ thống nước sạch. - Các hộ chăn nuôi chủ yếu thải nước thải trực tiếp ra môi trường. <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền vệ sinh môi trường còn hạn chế, chưa thường xuyên, chưa có sự phối hợp giữa các ban ngành đoàn thể. - Một số hộ dân xả rác thải bừa bãi không đúng nơi quy định. - Chưa có biện pháp xử phạt những hành vi vi phạm trong lĩnh vực ô nhiễm môi trường, chủ yếu dừng lại ở phạm vi nhắc nhở. - Chưa có thùng rác công cộng. - Mạng lưới y tế cộng đồng chưa được đào tạo chuyên nghiệp <p>*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu hiểu biết về sức khỏe VSMT. 	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đã có hợp đồng thu gom rác thải với công ty vệ sinh môi trường huyện. -100% người dân sử dụng nước giếng khoan và bể nước mưa. -88% hộ gia đình có công trình vệ sinh đảm bảo <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã có công ty VSMT thu gom rác thải 01lần/tuần vào thứ 5 - Các tổ chức, đoàn thể như: Đoàn thanh niên, hội phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ tổ chức tổng dọn vệ sinh môi trường 01 tháng/01 lần/ năm vào ngày chủ nhật cuối tháng. - Hội Chữ thập đỏ thường xuyên truyền truyền phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân. - Trạm y tế: Tiêm chủng định kỳ cho bà mẹ mang thai và trẻ em trong độ tuổi khám sức khỏe định kỳ, tư vấn 	<p>3.Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiếu trang thiết bị khám chữa bệnh nhất là cơ cấp cứu khi có thiên tai - Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai/BĐKH

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức đảm bảo vệ vệ sinh môi trường của một số hộ chưa cao như vất rác bừa bãi ra ao, kênh mương... - Chưa có ý thức khám bệnh định kỳ và không mua thuốc theo đơn của bác sĩ. - Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hầm Bioga. - Chưa quan tâm đến hạn sử dụng của lương thực, thực phẩm. - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định, chưa có phòng hộ đảm bảo. 	<p>sức khỏe cho người cao tuổi, người có công với cách mạng.</p> <p>* Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe sau thiên tai. - Đa số người dân có ý thức bảo vệ môi trường - Có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc trong mùa mưa bão - 85,23% người dân được cấp thẻ BHYT 	
Hạn hán,	Nắng nóng kéo dài, không có mưa thời gian dài, nhiệt độ 39-42 độ c	<ul style="list-style-type: none"> -Hệ thống kênh mương xương cá không đảm bảo: 8,5 km chiếm 90 %. -Nguồn nước tưới cho lúa và hoa màu phụ thuộc vào sự điều tiết nước của xí nghiệp thủy nông huyện.. -Thiếu nguồn nước sạch. -Địa phương không có nguồn kinh phí để xây hồ giữ nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương kiên cố : 9,3 km. - Có 2 trạm bơm, 01 máy bơm di động phục vụ nước tưới. - Tuyên truyền nhân dân chống hạn, - Đội ngũ cán bộ có ý thức trách nhiệm cao trong việc chống hạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc gia cầm bị chết, bị dịch bệnh. - Thủy sản mất con giống, giảm năng suất.
Rét đậm, rét hại	Rét buốt, kèm theo sương muối - Nhiệt độ về đêm thấp từ 10-13 độ C. Thời gian kéo dài 1,5 tháng.	<p>2. Sản xuất- kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo - Giống lúa trôi nổi, chịu rét kém. - Thủy sản: con giống trôi nổi, không chịu được rét <p>3. Sức khỏe, VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa chưa đảm bảo chống rét. - Tỷ lệ người già, trẻ em cao. 	<p>2. Sản xuất- kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ đã biết che chắn chuồng trại khi có rét - Đã tiêm phòng định kỳ 1 năm 2 lần cho đàn gia súc, gia cầm - Không thả rông gia súc - Thủy sản: đã có sục nước tạo oxi <p>3. Sức khỏe, VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị chống rét cá nhân đã đảm bảo - Trạm y tế đã tiêm phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ em - 85,23% có BHYT 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh - Mạ chết, lúa và hoa màu giảm năng suất - Thủy sản giảm năng suất, thu nhập thấp - Nguy cơ các bệnh về đường hô hấp của người già và trẻ em

Hiện trạng và các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu (Thảo luận với người dân) xã Nga Giáp

Biểu hiện của BĐKH	Kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan/ các nguy cơ gì	Các vùng bị ảnh hưởng	Các lĩnh vực khía cạnh bị ảnh hưởng (3 khía cạnh, 3 lĩnh vực)	Những rủi ro BĐKH gây ra	Giải pháp(*)	
					Giảm nhẹ RRTT và thích ứng	Việc giảm phát thải khí nhà kính (tiết kiệm năng lượng)
- Nhiệt độ tăng	- Nắng nóng kéo dài, kèm theo gió Lào, Nhiệt độ cao	Toàn xã	- Nông nghiệp - Thủy sản - Chăn nuôi * SK VSMT	- Lúa và hoa màu chết do thiếu nước. - Tôm cá chết do nhiệt độ nước tăng cao và thiếu	- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương bờ ao đầm để đảm bảo nước tưới tiêu. - Xây dựng hồ dự trữ nước.	- Trồng cây xanh - Tiết kiệm điện, nước. - Không đốt rơm rạ, rác thải bừa bãi.

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	điểm 40- 41 ° c - Hạn hán kéo dài.		-Sức khỏe - Ô nhiễm môi trường	nước, giảm sản lượng. - Gia súc gia cầm chết, dịch bệnh - Thiếu nước sinh hoạt, nước tưới cho cây trồng. - Môi trường bị ô nhiễm.	- Xây dựng công trình nước sạch, bể nước mưa, mua máy lọc nước. - Phòng chống dịch bệnh. - Thu gom rác thải	- Giảm sử dụng phân bón hóa học trong trồng lúa, màu. - Giảm việc sử dụng thuốc BVTV - Bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm môi trường.
- Nước biển dâng - Lượng mưa tăng vào mùa hè, giảm mùa đông xuân	Ngập úng Ngập lụt	Vùng sả nội, sả lục thấp trũng	- Trồng trọt - Chăn nuôi - Thủy sản - Đường giao thông - Hệ thống kênh mương. - Môi trường.	- Cây lúa và hoa màu bị mất mùa, giảm năng suất. - Thủy sản mất trắng. - Gia súc chết dịch bệnh. - Đường giao thông sạt lở, hư hỏng, kênh mương bồi lấp hư hỏng. - Ô nhiễm môi trường	- Kiên cố hệ thống kênh mương để tiêu thoát nước. - Kiên cố bờ ao, hồ . - Nâng cấp đường giao thông. Thu gom rác theo đúng quy định. - Tập huấn KHKT	- Trồng cây xanh - Xây dựng hệ thống thoát nước - Xây dựng trạm bơm - Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện nước, chất đốt - Xây dựng bình Bioga
-Thiên tai cục đoạn	Bão ngày càng mạnh, Gió giật mạnh trên cấp 12.	Toàn xã	- Nhà ở - Điện - Đường - Trồng trọt - Chăn nuôi	-Nhà bị sập đổ, hư hỏng - Cột điện đổ gây mất an toàn - Nguy cơ chết người, bị thương. - Lúa và hoa màu bị đổ, mất mùa, giảm năng suất. - Cây cỏ thụ bị đổ, mất an toàn. - Đường bị sạt lở khi có bão, có mưa to.	- Chằng chống nhà cửa trước thiên tai. - Chặt tỉa cành cây. - Sơ tán người dân vùng nguy cơ cao. - Dự trữ lương thực, thực phẩm. - Tập huấn kỹ năng phòng chống thiên tai, BDKH. - Cần có chế tài xử phạt nghiêm minh về môi trường. - Xây dựng nhà kiên cố.	-Trồng cây xanh - Không đổ rác thải bừa bãi. - Giảm tỉ lệ sử dụng thuốc BVTV, dùng thuốc BVTV đúng quy định - Có hệ thống xử lý chất thải, nước thải

Công cụ 7: Xếp hạng rủi ro thiên tai xã Nga Giáp

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Rủi ro thiên tai	Nhóm HTKT		7/7 thôn		Kiểm chứng		Tổng phiếu của nam nữ		Tổng phiếu toàn xã	Xếp hạng toàn xã
	Nam (13)	Nữ (02)	Nam (26)	Nữ (9)	Nam (23)	Nữ (14)	Nam (61)	Nữ (44)		
Nguy cơ người chết, bị thương khi có thiên tai xảy ra	8	1	16	8	8	1	32	10	42	9
Đường giao thông nội đồng 90% bằng đất bị sạt lở, khó khăn vận chuyển nông sản khi thu hoạch	6	1	22	7	18	26	46	34	80	6
Kênh mương sạt lở, vùi lấp, không đảm bảo việc tưới tiêu cho cây trồng khi có thiên tai, biến đổi khí hậu	4	1	14	3	35	18	53	22	75	7
Nhà ở có nguy cơ bị sập đổ, tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai, biến đổi khí hậu	5	4	20	8	21	9	46	21	67	8
Thiếu nước sạch do nguồn nước bị nhiễm phèn, nhiễm đá vôi.	26	2	23	8	24	11	73	21	94	3
Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai xảy ra	16	2	29	9	22	8	67	19	86	4
Ao hồ bị sạt lở làm giảm năng suất khi có thiên tai xảy ra của nuôi trồng thủy sản.	6	1	59	20	24	8	89	29	118	2
Lúa và hoa màu bị mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai xảy ra.	30	5	21	8	35	40	86	53	139	1
Gia súc gia cầm bị chết, bị dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra.	16	1	30	10	20	5	66	16	82	5
Tổng cộng	117	18	234	81	207	126	558	225	783	

Công cụ 8: Phân tích nguyên nhân xã Nga Giáp

TT	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có thiên tai xảy ra	- 61 ha diện tích lúa ở sả nội và sả lục nằm ở vùng trũng. - 33,5 diện tích lúa và hoa màu bị hạn hán. Thường xuyên xảy ra ở khu vực đồng Hiêng...	- Hệ thống kênh mương thoát nước kém. - Địa hình trũng, sát núi, kênh an thái, cầu hồ, sông quán thoát nước không kịp. - Không có hồ dự trữ nước, phụ thuộc vào sự điều tiết nước của xí nghiệp thủy nông huyện. - Chưa có cánh đồng mẫu lớn, chủ yếu là diện tích manh mún. - Chủ yếu tự cung tự cấp, sản phẩm chưa có đầu ra. - HTX chưa bao tiêu sản phẩm cho người dân. - hệ thống đường giao thông nội đồng chủ yếu là đường đất - Năng lực quản lý và tổ chức sản xuất còn hạn chế,	- Nâng cao hệ thống kênh mương để đảm bảo tưới tiêu cho diện tích lúa và hoa màu - Nâng cấp và mở rộng âu chứa nước tại trạm bơm số 1 và số 2. - Tích tụ ruộng đất, xây dựng cánh đồng mẫu lớn để phát triển , naangc ao năng suất chất lượng lúa và hoa màu. - Kiên cố hóa hệ thống thủy lợi - Bê tông hóa đường giao thông nội đồng - Tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật cho người dân - Tuyên truyền nâng cao năng lực cho người dân về sử

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>chưa kiểm soát được thuốc BVTV , nguồn gốc của giống.</p> <p>Chưa được tập huấn kỹ thuật thường xuyên , trình độ thâm canh, kỹ thuật còn hạn chế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn sử dụng thuốc BVTV và phân hóa học chưa đúng kỹ thuật 	<p>dùng thuốc BVTV và giống kém chất lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử phạt nghiêm minh đối với các cơ sở cung ứng thuốc BVTV , giống, phân kém chất lượng - Liên kết 4 nhà tạo đầu ra cho sản phẩm <p>Hỗ trợ giống và phân bón khi bị thiệt hại sau thiên tai</p>
2	Thiếu nước sạch	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ dân đang dùng nước giếng khoan và nước giếng khơi nước mưa - Nước giếng khoan đang lấy nước ở bề mặt (7-8m) - Người dân bị bệnh ung thư với tỉ lệ ngày càng cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước bị ô nhiễm phèn đá vôi do gần núi đá vôi và xâm nhập mặn. - Chưa có hệ thống nước sạch trên địa bàn. - Do làm nông nghiệp nên thu nhập của người dân còn thấp, chưa mua được bể lọc nước để sử dụng nguồn nước sạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. - Hỗ trợ làm hầm Bioga cho các hộ chăn nuôi - Hỗ trợ xây dựng hệ thống nước sạch tại xã - Trước mắt hỗ trợ máy lọc và bồn nước cho các hộ nghèo , có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ đơn thân - Kiến nghị cấp trên kiểm tra nguồn nước cho toàn xã.
3	Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có thiên tai xảy ra.	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ còn thải nước thải trực tiếp ra môi trường. - Xác súc vật còn vứt bừa bãi ra môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi chủ yếu ở các hộ gia đình nhỏ lẻ, chưa có hầm bioga. - Một số bộ phận người dân ý thức bảo vệ môi trường còn hạn chế. - Thiếu thùng rác nơi công cộng. - Ý thức còn hạn chế trong việc bảo vệ môi trường , làm giảm xả thải ra môi trường sông ngòi. - Xử lý chưa nghiêm đối với các trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường, chủ yếu dùng ở biện pháp nhắc nhở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền kiến thức về bảo vệ môi trường. - Tặng hỗ trợ làm hầm bioga cho các hộ chăn nuôi. - Cần có chế tài xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm môi trường. - Đầu tư lắp đặt thùng rác công cộng. - Vận động người dân chăn nuôi tại vùng quy hoạch.
4	Nhà ở có nguy cơ bị ngập, sập đổ, bị tốc mái đổ sập, hư hỏng khi có thiên tai/BĐKH	<ul style="list-style-type: none"> - Có 547 nhà ở bán kiên cố , 148 nhà ở thiếu kiên cố trong - Có 30% người dân dễ bị tổn thương của xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở làm lâu ngày xuống cấp. - Thiếu kinh phí đầu tư xây nhà kiên cố do làm nông nghiệp , thu nhập thấp - Đội dung kích thường xuyên đi làm ăn xa thiếu nhân lực để chằng chống nhà cửa cho các đối tượng dễ bị tổn thương - Thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn cho đội xung kích đi làm nhiệm vụ, đội xung kích thiếu kỹ năng - Một số người dân còn chủ quan , chưa trú trọng đầu tư xây dựng nhà kiên cố, chưa chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ , nâng cấp nhà ở kiên cố cho các hộ nghèo, phụ nữ đơn thân - Tạo nghề phụ tăng thu nhập cho người dân chủ trọng cho phụ nữ - Trang bị phương tiện , thiết bị cho đội xung kích và tập huấn kỹ năng - Sơ tán , di dời người dân đến nơi an toàn khi có thiên tai xảy ra - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân để phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu

khi có thiên tai

Công cụ 9: Xếp hạng giải pháp PCTT xã Nga Giáp

Giải pháp PCTT	Nhóm HTKT		7/7		Kiểm chứng		Tổng phiếu của nam/ nữ		Tổng phiếu Toàn xã	Xếp hạng toàn xã
	Nam (13)	Nữ (2)	Nam (26)	Nữ (9)	Nam (23)	Nữ (15)	Nam (43)	Nữ (32)		
Đầu tư kiên cố hóa hệ thống kênh mương để đảm bảo tưới tiêu cho lúa và hoa màu.	25	4	31	14	25	10	81	28	109	2
Nâng cấp và mở rộng hồ chứa nước tại trạm bơm số 1 và số 2	8	2	25	6	21	9	54	17	71	10
Tích tụ ruộng đất xây dựng cánh đồng mẫu lớn để nâng cao năng suất lúa và hoa màu.	6	1	20	7	24	15	50	23	73 +	7
Xây dựng hệ thống nước sạch, trước mắt hỗ trợ xây dựng bể nước mưa và máy lọc nước	10	1	29	7	20	25	59	33	92	3
Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT và vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe, xử phạt nghiêm những trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường.	26	6	47	25	28	25	101	56	157	1
Hỗ trợ làm hầm bioga, chế phẩm sinh học cho các hộ chăn nuôi và mua sắm thùng rác công cộng	9	1	22	6	20	21	51	28	79 +	4
Vận động các hộ dân chăn nuôi tại vùng quy hoạch để đảm bảo vệ sinh môi trường, giảm tác hại của khí nhà kính.	9	1	24	9	18	14	51	24	75	6
Hỗ trợ xây dựng nhà kiên cố cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.	7	1	20	6	29	9	56	16	72	9
Phát triển nghề nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển nhiều nghề phụ để tăng thu nhập.	20	2	20	6	22	9	62	17	79	5
Nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ của HTX, tìm đầu ra cho sản phẩm lúa và hoa màu	10	1	22	4	23	13	55	18	73	8
Tổng cộng	130	20	260	90	230	150	620	260	880	

Công cụ 9. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian		Nguồn ngân sách dự kiến		
			Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				2 năm)			
Hỗ trợ xây dựng nhà kiên cố cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.	Toàn xã	1. Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ có nhà thiếu kiên cố	x		10%	50%	40%
		2. Mua sắm thùng rác để các nơi công cộng		x	30%		70%
Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT và vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe, xử phạt nghiêm những trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường.	Toàn xã	1. Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh	x	x	100%		
		2. Tuyên truyền qua các hoạt động của cộng đồng và ban, ngành, đoàn thể	x	x	50%	50%	
		3. Tuyên truyền bằng Pano, áp phích		x			100%
		4. Diễn tập PCTT	x		30%	20%	50%
		5. Lòng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ	x	x	50%	50%	
		6. Tập huấn PCTT cho người dân và học sinh các trường học	x		30%	20%	50%
		Xử phạt nghiêm những trường hợp vi phạm vệ sinh môi trường.		x	1000%		
Xây dựng hệ thống nước sạch, trước mắt hỗ trợ xây dựng bể nước mưa và máy lọc nước	Toàn dân	1. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch trong khu dân cư 7/7 thôn		x	100%		
		2. Hỗ trợ xây dựng bể lọc nước mưa cho các hộ khó khăn, hộ nghèo, phụ nữ đơn thân		x	50%	50%	
		3. Tuyên truyền vận động sử dụng nước sạch	x	x	100%		
Hỗ trợ làm hầm bioga, chế phẩm sinh học cho các hộ chăn nuôi và mua sắm thùng rác công cộng	Hộ hộ chăn nuôi toàn xã	1. Hỗ trợ các hộ chăn nuôi làm hầm bioga và chế phẩm sinh học	x		20%	30%	50%
		3. Mua sắm thùng rác để các nơi công cộng	x			20%	80%
Đầu tư kiên cố hóa hệ thống kênh mương để đảm bảo tưới tiêu cho lúa và hoa màu	Toàn xã	1. Nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh	x		100%		
		2. Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng		x	30%	20%	50%
Nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ của HTX, tìm đầu ra cho sản phẩm lúa và hoa màu	Toàn xã	1. Nâng cao năng lực cho HTX	x		100%		
		2. Liên hệ với các siêu thị, nhà hàng để bao tiêu sản phẩm		x	100%		
		3. Thu mua nông sản tạo đầu ra cho người dân		x	100%		
Tích tụ ruộng đất xây dựng cánh đồng mẫu lớn để nâng cao năng suất lúa và hoa màu.	Toàn xã	1. Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn		x	100%		
		2. Tập huấn chuyên gia KHKT cho nghề trồng lúa	x		50%		50%
		3. Tuyên truyền vận động người dân thực hiện	x	x	100%		
Vận động các hộ dân chăn nuôi tại vùng quy	Toàn xã, các hộ nuôi trồng	1. Quy hoạch vùng chuyên canh		x	100%		
		2. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi		x	50%	50%	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

hoạch để đảm bảo vệ sinh môi trường, giảm tác hại của khí nhà kính.	thủy sản	3. Xây dựng trạm điện ba pha		x	100%		
		4. Tập huấn kỹ thuật chăm sóc và chọn con giống	x		50%	50%	
Nâng cấp và mở rộng hồ chứa nước tại trạm bơm số 1 và số 2	Toàn xã	Khảo sát đánh giá	x		100%		
		Vận động nguồn lực	x		100%		
		Tổ chức thực hiện		x		50%	50%

**Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá xã Nga Giáp, Nga Sơn, Thanh Hóa
Từ ngày 12 - 15/11/2018**



Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng



Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng



Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng



